ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Căn cứ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch và tiết đ điểm 6 khoản 5 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố Pleiku tổ chức kiểm tra, rà soát, tổng hợp; cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh với diện tích 373,85 ha để thực hiện 83 công trình, dự án; dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng 761.599.758.921 đồng (ngân sách tỉnh 185.640.000.000 đồng, ngân sách huyện 486.495.136.680 đồng và nguồn vốn khác 89.464.622.241 đồng) và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng thực tế thực hiện theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

a) Huyện Đức Cơ: 07 công trình, dự án với diện tích 1,59 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 671.258.680 đồng (ngân sách huyện).

b) Huyện Ia Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 2,28 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 1.450.000.000 đồng (ngân sách huyện).

c) Huyện Chư Sê: 08 công trình, dự án với diện tích 7,88 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 12.821.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (vốn ngành điện)).

d) Huyện Kông Chro: 02 công trình, dự án với diện tích 3,05 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 3.000.000.000 đồng (ngân sách huyện và nguồn vốn khác (ngân sách Trung ương)).

đ) Huyện Chư Păh: 03 công trình, dự án với diện tích 30,21 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 35.920.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và ngân sách huyện).

f) Huyện Đak Đoa: 03 công trình, dự án với diện tích 41,60 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 40.270.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và nguồn vốn khác (vốn ngành điện)).

g) Thành phố Pleiku: 04 công trình, dự án với diện tích 56,67 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 450.479.929.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách thành phố và nguồn vốn khác (vốn ngành điện, ngân sách Trung ương)).

h) Thị xã An Khê: 06 công trình, dự án với diện tích 27,59 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 39.894.300.000 đồng (ngân sách thị xã và nguồn vốn khác (ngân sách xã)).

i) Huyện Chư Prông: 02 công trình, dự án với diện tích 38,84 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 27.095.622.241 đồng (nguồn vốn khác (ngân sách Trung ương)).

k) Huyện Phú Thiện: 08 công trình, dự án với diện tích 12,77 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 38.000.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (vốn ngành điện)).

l) Huyện Đak Pơ: 09 công trình, dự án với diện tích 74,94 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 44.457.649.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (ngân sách Trung ương)).

m) Huyện KBang: 04 công trình, dự án với diện tích 3,29 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 2.900.000.000 đồng (ngân sách huyện).

n) Huyện Krông Pa: 04 công trình, dự án với diện tích 13,83 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 17.800.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (ngân sách Trung ương)).

o) Huyện Mang Yang: 07 công trình, dự án với diện tích 19,43 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 12.940.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (ngân sách Trung ương)).

p) Huyện Ia Grai: 05 công trình, dự án với diện tích 10,90 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 4.400.000.000 đồng (ngân sách huyện).

r) Thị xã Ayun Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 5,19 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 19.000.000.000 đồng (ngân sách tỉnh).

s) Huyện Chư Pưh: 07 công trình, dự án với diện tích 23,79 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 10.500.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác (ngân sách Trung ương)).

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

2. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi:

- "Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh: Tổng số 239 công trình, dự án; diện tích 1.869,691 ha; dự kiến kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng 1.503.560.122.476 đồng (ngân sách tỉnh 60.186.130.976 đồng, ngân sách huyện 263.795.966.500 đồng và nguồn vốn khác 1.179.578.025.000 đồng). Cụ thể như sau:..."

- Khoản 3 Điều 1 "Huyện Chư Sê: 19 công trình, dự án với diện tích 53,745 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 18.367.000.000 đồng (ngân sách tỉnh và ngân sách huyện)".

- Khoản 8 Điều 1 "Thị xã Ayun Pa: 14 công trình, dự án với diện tích 84,360 ha và kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng dự kiến 82.000.000.000 đồng (ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn khác)".

b) Bãi bỏ dòng 5 Mục III và dòng 9, 13 Mục VIII Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 275/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Để có cơ sở thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và triển khai đầu tư xây dựng các công trình, dự án trong năm 2022, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh khóa XII - Kỳ họp thứ Tư xem xét thông qua Danh mục các công trình, dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CẦN THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên công trình dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Cơ sở thực hiện	Dự kiến số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (đồng)				Ghi chú
						Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Nguồn vốn khác	
I	**Huyện Đức Cơ**		**1.59**			**671,258,680**		**671,258,680**		
1	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	0.48	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của HĐND huyện Đức Cơ	610,000,000		610,000,000		
2	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din	0.11	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của HĐND huyện Đức Cơ	32,087,880		32,087,880		
3	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din	0.10	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 55/NQ-HĐND ngày 23/7/2021 của HĐND huyện Đức Cơ	29,170,800		29,170,800		
4	Đường giao thông tuyến II, làng Krol	Xã Ia Krêl	0.10	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 của HĐND xã Ia Krêl					Người dân hiến đất làm đường
5	Đường giao thông nội đồng thôn Ia Kăm	Xã Ia Krêl	0.10	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 của HĐND xã Ia Krêl					Người dân hiến đất làm đường
6	Đường nội đồng làng Klũh Yết đi xã Ia Kriêng	Xã Ia Lang	0.35	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của HĐND xã Ia Lang					Người dân hiến đất làm đường
7	Đường nội đồng làng Klũh Yết đi làng Phang	Xã Ia Lang	0.35	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 10/9/2021 của HĐND xã Ia Lang					Người dân hiến đất làm đường
II	**Huyện Ia Pa**		**2.28**			**1,450,000,000**		**1,450,000,000**		
1	Đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sản xuất xã Pờ Tó	Xã Pờ Tó	0.93	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của HĐND huyện Ia Pa	750,000,000		750,000,000		
2	Đường giao thông nội đồng thôn 2 (Đoạn từ nghĩa địa đi khu sản xuất)	Xã Pờ Tó	1.35	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của HĐND huyện Ia Pa	700,000,000		700,000,000		
III	**Huyện Chư Sê**		**7.88**			**12,821,000,000**	**10,500,000,000**	**1,881,000,000**	**440,000,000**	
1	Đường quy hoạch khu dân cư thôn 1	Xã Ia Pal	0.58	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Chư Sê	335,000,000		335,000,000		
2	Đường quy hoạch khu dân cư thôn 3 và thôn 5	Xã Ia Pal	0.78	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 92/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Chư Sê	565,000,000		565,000,000		
3	Đường quy hoạch D1, D2, D3, D4 khu dân cư thôn Queng Mép	Xã Dun	0.30	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Chư Sê	151,000,000		151,000,000		
4	Đường quy hoạch D5, D6, D7, D8, D9 khu dân cư thôn Queng Mép	Xã Dun	0.57	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 89/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Chư Sê	320,000,000		320,000,000		
5	Đường quy hoạch D10, D11, D12, D13, D14 khu dân cư thôn Queng Mép	Xã Dun	0.67	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 90/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Chư Sê	510,000,000		510,000,000		
6	Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê	Xã HBông	1.48	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 207/UBND-CNXD ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Gia Lai Công văn số 4464/CPMB-ĐB-TĐ ngày 03/6/2021 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung Quyết định số 554/QĐ-EVNNPT ngày 14/5/2021 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	440,000,000			440,000,000	Vốn ngành điện
7	Đường Phan Đình Phùng	Xã Dun và thị trấn Chư Sê	3.20	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện Chư Sê	10,500,000,000	10,500,000,000			

8	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (điểm trường tại làng Vel và làng Sura)	Xã Ia Ko	0.30	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND huyện Chư Sê					Không bồi thường do Công ty TNHH MTV cao su Chư Sê đã có kế hoạch tái canh theo Công văn số 811/CSCS-KHĐT ngày 22/10/2021
IV	**Huyện Kông Chro**		**3.05**			**3,000,000,000**		**1,000,000,000**	**2,000,000,000**	
1	Đường từ xã Yang Nam đi xã Chơ Glong	Các xã: Yang Nam và Chơ Glong	2.50	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 377/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	2,000,000,000			2,000,000,000	Ngân sách Trung ương
2	Nhà thi đấu đa năng huyện Kông Chro	Thị trấn Kông Chro	0.55	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15/5/2021 của HĐND huyện Kông Chro	1,000,000,000		1,000,000,000		
V	**Huyện Chư Păh**		**30.21**			**35,920,000,000**	**34,570,000,000**	**1,350,000,000**		
1	Đường Lê Lợi	Thị trấn Phú Hòa	4.95	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai	5,000,000,000	5,000,000,000			
2	Bãi rác thải huyện	Xã Hòa Phú	4.00	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất chưa sử dụng	Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 03/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai	1,350,000,000		1,350,000,000		Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư ứng trước kinh phí để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư
3	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19) đoạn qua huyện Chư Păh	Xã Nghĩa Hưng	21.26	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Công văn số 918/BQLDA-NN ngày 07/10/2021 của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	29,570,000,000	29,570,000,000			
VI	**Huyện Đak Đoa**		**41.60**			**40,270,000,000**	**35,970,000,000**		**4,300,000,000**	
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19) đoạn qua huyện Đak Đoa	Xã Hà Bầu	37.63	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Công văn số 919/BQLDA-NN ngày 07/10/2021 của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	35,820,000,000	35,820,000,000			
2	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa (Trụ sở làm việc)	Thị trấn Đak Đoa	0.40	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	150,000,000	150,000,000			
3	Trạm biến áp 110kV Đak Đoa và đấu nối	Các xã: HNeng, Nam Yang, Kon Gang, KDang và thị trấn Đak Đoa	3.57	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Quyết định số 6202/QĐ-EVNCPC ngày 20/7/2021 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung Công văn số: 4239/CREB-ĐB ngày 26/10/2021 và 4265/CREB-ĐB ngày 28/10/2021 của Ban quản lý dự án điện nông thôn miền Trung	4,300,000,000			4,300,000,000	Vốn ngành điện
VII	**Thành phố Pleiku**		**56.67**			**450,479,929,000**	**46,600,000,000**	**401,050,929,000**	**2,829,000,000**	
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19) đoạn qua thành phố Pleiku	Các xã: An Phú, Biển Hồ và Tân Sơn	21.13	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn, đất giao thông và đất chưa sử dụng	Nghị quyết số 350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Công văn số 920/BQLDA-NN ngày 07/10/2021 của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	46,600,000,000	46,600,000,000			
2	Hoàn thiện lưới điện phân phối tỉnh Gia Lai đoạn qua thành phố Pleiku	Các phường: Yên Đỗ, Yên Thế và Thắng Lợi	0.02	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị	Quyết định số 3205/QĐ-EVNCPC ngày 20/4/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung Quyết định số 8422/QĐ-EVNCPC ngày 29/9/2020 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung Công văn số 3827/CREB-BĐH2 ngày 05/10/2021 của Ban quản lý dự án điện nông thôn miền Trung	2,500,000,000			2,500,000,000	Vốn ngành điện

3	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ đường Trường Chinh đến Lê Duẩn)	Xã Chư Á và các phường: Chi Lăng, Trà Bá, Thắng Lợi	0.13	Đất trồng lúa	Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai	329,000,000			329,000,000	Ngân sách Trung ương
4	Khu dân cư hai bên đường Lý Tự Trọng (nối dài) và vùng phụ cận, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Phường Tây Sơn	35.39	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất ở, đất giao thông	Quyết định số 770/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của UBND tỉnh Gia Lai	401,050,929,000		401,050,929,000		Công ty TNHH Tây Bắc Gia Lai ứng trước kinh phí để thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư
VIII	**Thị xã An Khê**		**27.59**			**39,894,300,000**		**39,544,300,000**	**350,000,000**	
1	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị An Tân (giai đoạn 2) hạng mục: San nền, ốp mái taluy hồ nước	Phường An Tân	16.28	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	24,420,000,000		24,420,000,000		
2	Đường giao thông Khu đô thị An Tân (giai đoạn 2) hạng mục: Xây mới 13 tuyến đường, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, cấp thoát nước	Phường An Tân	6.01	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	9,020,550,000		9,020,550,000		
3	Đường quy hoạch D3 và D10 khu trung tâm phường An Phước hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	Phường An Phước	1.90	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	2,453,750,000		2,453,750,000		
4	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Phường An Phước	3.00	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 371/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	3,300,000,000		3,300,000,000		
5	Trường THCS Đề Thám hạng mục: Xây mới nhà học 12 phòng, hạng mục phụ và trang thiết bị	Phường Tây Sơn	0.20	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	350,000,000		350,000,000		
6	Sân vận động xã	Xã Song An	0.20	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Quyết định số 2612/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND thị xã An Khê	350,000,000			350,000,000	Ngân sách xã Song An
IX	**Huyện Chư Prông**		**38.84**			**27,095,622,241**			**27,095,622,241**	
1	Thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr giai đoạn 2 (hoàn thiện hệ thống kênh) hạng mục: Hệ thống kênh nhánh (bổ sung)	Xã Ia Mơ	38.34	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (rừng tự nhiên không thuộc quy hoạch 03 loại rừng), đất thương mại dịch vụ, đất cơ sở giáo dục và đào tạo, đất ở tại nông thôn và đất chưa sử dụng	Quyết định số 3376/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	26,095,622,241			26,095,622,241	Ngân sách Trung ương
2	Đường liên xã huyện Chư Prông (đường liên xã Ia Tôr - Ia Vê)	Các xã: Ia Tôr và Ia Bang	0.50	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 376/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,000,000,000			1,000,000,000	Ngân sách Trung ương
X	**Huyện Phú Thiện**		**12.77**			**38,000,000,000**	**7,000,000,000**	**28,500,000,000**	**2,500,000,000**	
1	Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê	Các xã: Ia Hiao, Chrôh Ponan, Ia Peng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake, Ayun Hạ	2.67	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Công văn số 207/UBND-CNXD ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Gia Lai Công văn số 4462/CPMB-ĐB-TĐ ngày 03/6/2021 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung Quyết định số 554/QĐ-EVNNPT ngày 14/5/2021 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	2,500,000,000			2,500,000,000	Vốn ngành điện
2	Đường Đ22	Thị trấn Phú Thiện	0.70	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	5,500,000,000		5,500,000,000		
3	Đường Trường Chinh	Thị trấn Phú Thiện	0.80	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	6,000,000,000		6,000,000,000		
4	Đường Trần Phú	Thị trấn Phú Thiện	1.20	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	7,000,000,000		7,000,000,000		
5	Đường Trần Hưng Đạo	Thị trấn Phú Thiện	1.70	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	6,500,000,000		6,500,000,000		
6	Đường Ngô Gia Tự	Thị trấn Phú Thiện	0.21	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,000,000,000		1,000,000,000		

7	Đường Hàm Nghi	Thị trấn Phú Thiện	0.49	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 425/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	2,500,000,000		2,500,000,000		
8	Đường giao thông huyện Phú Thiện	Các xã: Chư A Thai, Ia Yeng, Ia Piar, Ia Sol và Ia Ake	5.00	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	7,000,000,000	7,000,000,000			
XI	**Huyện Đak Pơ**		**74.94**			**44,457,649,000**	**5,600,000,000**	**897,649,000**	**37,960,000,000**	
1	San nền chợ Hà Tam	Xã Hà Tam	0.70	Đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 28/10/2020 của HĐND huyện Đak Pơ Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của UBND huyện Đak Pơ	297,649,000		297,649,000		
2	Sửa chữa đường Kpă Klơng	Thị trấn Đak Pơ	0.60	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28/10/2020 của HĐND huyện Đak Pơ Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 29/01/2021 của UBND huyện Đak Pơ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Đak Pơ	200,000,000		200,000,000		
3	Đền tưởng niệm và tượng đài chiến thắng Đak Pơ	Thị trấn Đak Pơ	1.20	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 22/4/2021 của HĐND huyện Đak Pơ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Đak Pơ	400,000,000		400,000,000		
4	Đường từ xã An Thành đi xã Yang Bắc	Các xã: An Thành và Yang Bắc	8.50	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,700,000,000			1,700,000,000	Ngân sách Trung ương
5	Đường vành đai phía Bắc thị trấn Đak Pơ	Thị trấn Đak Pơ	17.50	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 378/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	3,500,000,000			3,500,000,000	Ngân sách Trung ương
6	Đường từ thị trấn Đak Pơ đi xã Yang Bắc, Tân An	Các xã: Yang Bắc, Tân An và thị trấn Đak Pơ	8.40	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,680,000,000	1,680,000,000			
7	Đường liên xã Tân An, Yang Bắc đi đường Đông Trường Sơn	Các xã: Yang Bắc, Tân An và An Thành	11.20	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	2,240,000,000	2,240,000,000			
8	Đường từ núi Đá lửa thôn An Định xã Cư An huyện Đak Pơ đến xã Kông Long Khơng huyện KBang	Các xã: Yang Bắc, Tân An, Cư An và thị trấn Đak Pơ	5.00	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 354/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,680,000,000	1,680,000,000			
9	Nâng cấp, cải tạo Quốc lộ 19 đoạn Km90-Km108 và các cầu trên địa bàn tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai	Các xã và thị trấn	21.84	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Quyết định số 1525/QĐ-BGTVT ngày 16/8/2021 của Bộ Giao thông vận tải Công văn số 1830/BQLDA2-PID4 ngày 21/10/2021 của Ban quản lý dự án 2	32,760,000,000			32,760,000,000	Ngân sách Trung ương
XII	**Huyện KBang**		**3.29**			**2,900,000,000**		**2,900,000,000**		
1	Trung tâm y tế huyện KBang	Thị trấn KBang	3.00	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 418/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	2,450,000,000		2,450,000,000		
2	Mương tiêu thủy thị trấn KBang (đoạn Lê Quý Đôn - Kè chống sạt lở suối kè Đăk Lốp)	Thị trấn KBang	0.13	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND huyện KBang	200,000,000		200,000,000		
3	Đường quy hoạch tổ dân phố 4 thị trấn KBang (đoạn từ ngã ba Ban y tế dự phòng đến đường Quang Trung)	Thị trấn KBang	0.12	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND huyện KBang	150,000,000		150,000,000		
4	Đường Lê Thánh Tông (đoạn Hùng Vương - Lý Thái Tổ)	Thị trấn KBang	0.04	Đất trồng cây hàng năm khác	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 05/8/2021 của HĐND huyện KBang	100,000,000		100,000,000		
XIII	**Huyện Krông Pa**		**13.83**			**17,800,000,000**	**15,000,000,000**	**800,000,000**	**2,000,000,000**	

1	Đường giao thông kết nối các xã: Ia Mlah, Phú Cần và thị trấn Phú Túc	Các xã: Ia Mlah, Phú Cần và thị trấn Phú Túc	7.00	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 353/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	2,000,000,000			2,000,000,000	Ngân sách Trung ương
2	Đường giao thông huyện Krông Pa	Thị trấn Phú Túc	6.50	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 355/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	15,000,000,000	15,000,000,000			
3	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới nâng cao	Xã Phú Cần	0.30	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Krông Pa	300,000,000		300,000,000		
4	Cải tại trụ sở khối đoàn thể, hàng rào khuôn viên UBND huyện, Phòng Giáo dục và Đào tạo	Thị trấn Phú Túc	0.03	Đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Krông Pa	500,000,000		500,000,000		
XIV	**Huyện Mang Yang**		**19.43**			**12,940,000,000**	**7,400,000,000**	**1,550,000,000**	**3,990,000,000**	
1	Đường từ xã Đê Ar đi xã Đak Trôi (đoạn qua suối Kôi)	Xã Đê Ar	1.40	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	410,000,000			410,000,000	Ngân sách Trung ương
2	Đường từ xã Đak Trôi, huyện Mang Yang đi xã Ayun, huyện Chư Sê	Xã Đak Trôi	5.38	Đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	770,000,000			770,000,000	Ngân sách Trung ương
3	Đường vào trung tâm xã Kon Chiêng, huyện Mang Yang đi xã Chơ Long, huyện Kông Chro (đường từ Trung tâm xã Kon Chiêng đến làng Đăk Ô và cụm dân cư 3 làng khối III)	Xã Kon Chiêng	5.03	Đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất (rừng trồng không thuộc quy hoạch 03 loại rừng) và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,785,000,000			1,785,000,000	Ngân sách Trung ương
4	Đường vào vườn Quốc gia Kon Ka Kinh (đường liên xã Đak Yă, A Yun và Đak Jơ Ta)	Xã A Yun	1.52	Đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	1,025,000,000			1,025,000,000	Ngân sách Trung ương
5	Đường nội thị huyện Mang Yang	Thị trấn Kon Dõng	4.50	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 422/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	7,400,000,000	7,400,000,000			
6	Đầu tư, nâng cấp đường QH D2 - Đoạn từ Tỉnh lộ 666 vào Trường THCS&THPT Kpă Klơng	Xã Kon Thụp	1.10	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 16/8/2021 của HĐND huyện Mang Yang	550,000,000		550,000,000		
7	Dự án nâng cấp, mở đường và mương thoát nước đường Lê Lai	Thị trấn Kon Dõng	0.50	Đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 16/8/2021 của HĐND huyện Mang Yang	1,000,000,000		1,000,000,000		
XV	**Huyện Ia Grai**		**10.90**			**4,400,000,000**		**4,400,000,000**		
1	Hệ thống cấp nước tập trung xã	Xã Ia O	3.40	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai	200,000,000		200,000,000		
2	Trường THCS Lê Hồng Phong	Xã Ia Chiă	0.10	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai	200,000,000		200,000,000		
3	Đường vào khu di tích lịch sử bến đò A Sanh	Xã Ia Khai	1.80	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 464/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai	1,000,000,000		1,000,000,000		
4	Đường từ Tỉnh lộ 664 đi đường liên huyện	Xã Ia Hrung và thị trấn Ia Kha	5.40	Đất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp	Quyết định số 470/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai	2,000,000,000		2,000,000,000		
5	Trường mẫu giáo 15/5	Xã Ia Bă	0.20	Đất trồng cây lâu năm và đất ở tại nông thôn	Quyết định số 459/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND huyện Ia Grai	1,000,000,000		1,000,000,000		
XVI	**Thị xã Ayun Pa**		**5.19**			**19,000,000,000**	**19,000,000,000**			
1	Đường quy hoạch từ ngã tư Ngô Quyền - Nguyễn Văn Trỗi đến đường Vành đai 1	Phường Hòa Bình	2.82	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	8,000,000,000	8,000,000,000			
2	Đường quy hoạch từ Vành đai 1 đến đường Ngô Quyền	Phường Cheo Reo	2.37	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	11,000,000,000	11,000,000,000			
XVII	**Huyện Chư Pưh**		**23.79**			**10,500,000,000**	**4,000,000,000**	**500,000,000**	**6,000,000,000**	
1	Đường gom trước phân hiệu Trường Nguyễn Thái Học	Xã Ia Le	1.60	Đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh	500,000,000		500,000,000		

2	Vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và điện chiếu sáng đường Trần Hưng Đạo	Thị trấn Nhơn Hòa	0.60	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh					Vận động dân hiến đất
3	Đường đi vào cánh đồng Thơ Ga xã Chư Don	Xã Chư Don	1.60	Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh					Vận động dân hiến đất
4	Đường liên xã huyện Chư Pưh	Các xã: Ia Le, Ia Blứ, Ia Rong, Ia Phang và thị trấn Nhơn Hòa	15.00	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 389/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	6,000,000,000			6,000,000,000	Ngân sách Trung ương
5	Đường nội thị huyện Chư Pưh	Thị trấn Nhơn Hòa	3.87	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 424/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	4,000,000,000	4,000,000,000			
6	Kiên cố hóa đập Khô Roa	Xã Ia Rong	0.32	Đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác và đất trồng cây lâu năm	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh					Vận động dân hiến đất
7	Vỉa hè, hệ thống thoát nước, cây xanh và điện chiếu sáng đường Cao Bá Quát	Thị trấn Nhơn Hòa	0.80	Đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm, đất ở tại đô thị	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh					Vận động dân hiến đất
83	**Tổng cộng**		**373.85**			**761,599,758,921**	**185,640,000,000**	**486,495,136,680**	**89,464,622,241**	

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai năm 2013.

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố Pleiku tổ chức kiểm tra, rà soát, tổng hợp; cụ thể như sau:

1. Danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai với diện tích 20,91 ha (đất trồng lúa) để thực hiện 25 công trình, dự án; cụ thể như sau:

a) Huyện Ia Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 0,55 ha.

b) Huyện Chư Sê: 02 công trình, dự án với diện tích 0,21 ha.

c) Huyện Đak Đoa: 01 công trình, dự án với diện tích 2,25 ha.

d) Thành phố Pleiku: 02 công trình, dự án với diện tích 2,13 ha.

đ) Thị xã An Khê: 05 công trình, dự án với diện tích 3,96 ha.

e) Huyện Chư Prông: 01 công trình, dự án với diện tích 1,87 ha.

f) Huyện Phú Thiện: 02 công trình, dự án với diện tích 0,69 ha.

g) Huyện Krông Pa: 01 công trình, dự án với diện tích 0,70 ha.

h) Huyện Mang Yang: 03 công trình, dự án với diện tích 3,97 ha.

i) Thị xã Ayun Pa: 02 công trình, dự án với diện tích 2,16 ha.

k) Huyện Chư Pưh: 04 công trình, dự án với diện tích 2,42 ha.

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

2. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có

chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai, cụ thể như sau:

a) Sửa đổi:

- "Điều 1. Thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 gồm 67 công trình, dự án; diện tích 105,695 ha. Cụ thể như sau:..."

- Khoản 7 Điều 1 "Thị xã Ayun Pa: 11 công trình, dự án với diện tích 20,70 ha ((đất trồng lúa))".

b) Bãi bỏ dòng 4 và dòng 8 Mục VII Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của HĐND tỉnh Gia Lai về việc thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng trong năm 2021 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Để có cơ sở thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất và triển khai đầu tư xây dựng các công trình, dự án trong năm 2022, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh khóa XII - Kỳ họp thứ Tư xem xét thông qua danh mục các công trình, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng bổ sung thực hiện trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Gia Lai./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CÓ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022

(Kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Tên công trình dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)	Hiện trạng	Cơ sở thực hiện	Ghi chú
I	**Huyện Ia Pa**		**0.55**			
1	Đường tràn qua thao trường huấn luyện và khu sản xuất xã Pờ Tó	Xã Pờ Tó	0.50	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của HĐND huyện Ia Pa	
2	Đường giao thông nội đồng thôn 2 (Đoạn từ nghĩa địa đi khu sản xuất)	Xã Pờ Tó	0.05	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 18/8/2021 của HĐND huyện Ia Pa	
II	**Huyện Chư Sê**		**0.21**			
1	Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê	Xã HBông	0.16	Đất trồng lúa	Công văn số 4464/CPMB-ĐB-TĐ ngày 03/6/2021 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung Quyết định số 554/QĐ-EVNNPT ngày 14/5/2021 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	
2	Đường Phan Đình Phùng	Xã Dun	0.05	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 319/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Quyết định số 477/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND huyện Chư Sê	
III	**Huyện Đak Đoa**		**2.25**			
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19) đoạn qua huyện Đak Đoa	Xã Hà Bầu	2.25	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Công văn số 919/BQLDA-NN ngày 07/10/2021 của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	
IV	**Thành phố Pleiku**		**2.13**			
1	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19) đoạn qua thành phố Pleiku	Các xã: An Phú, Biển Hồ và Tân Sơn	2.00	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 350/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai Công văn số 920/BQLDA-NN ngày 07/10/2021 của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai	
2	Đường Nguyễn Chí Thanh (Đoạn từ đường Trường Chinh đến Lê Duẩn)	Các phường: Chi Lăng, Trà Bá, Thắng Lợi và xã Chư Á	0.13	Đất trồng lúa	Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 29/5/2021 của UBND tỉnh Gia Lai	
V	**Thị xã An Khê**		**3.96**			

1	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị An Tân (giai đoạn 2) hạng mục: San nền, ốp mái taluy hồ nước	Phường An Tân	2.20	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	
2	Đường giao thông Khu đô thị An Tân (giai đoạn 2) hạng mục: Xây mới 13 tuyến đường, hệ thống điện chiếu sáng, cây xanh, cấp thoát nước	Phường An Tân	0.80	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	
3	Đường quy hoạch D3 và D10 khu trung tâm phường An Phước hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	Phường An Phước	0.50	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	
4	Trường THPT Nguyễn Khuyến	Phường An Phước	0.41	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 371/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
5	Trường THCS Đề Thám hạng mục: Xây mới nhà học 12 phòng, hạng mục phụ và trang thiết bị	Phường Tây Sơn	0.05	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 28/7/2021 của HĐND thị xã An Khê	
VI	**Huyện Chư Prông**		**1.87**			
1	Thủy lợi Hồ chứa nước Ia Mơr giai đoạn 2 (hoàn thiện hệ thống kênh) hạng mục: Hệ thống kênh nhánh (bổ sung)	Xã Ia Mơ	1.87	Đất trồng lúa	Quyết định số 3376/QĐ-BNN-KH ngày 26/7/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
VII	**Huyện Phú Thiện**		**0.69**			
1	Đường dây 220kV Krông Pa - Chư Sê	Các xã: Ia Hiao, Chroh Ponan, Ia Peng, Ia Piar, Ia Sol, Ia Ake, Ayun Hạ	0.19	Đất trồng lúa	Công văn số 207/UBND-CNXD ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Gia Lai Công văn số 4462/CPMB-ĐB-TĐ ngày 03/6/2021 của Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung Quyết định số 554/QĐ-EVNNPT ngày 14/5/2021 của Tổng Công ty Truyền tải điện Quốc gia	
2	Đường giao thông huyện Phú Thiện	Các xã: Chư A Thai, Ia Yeng, Ia Piar, Ia Sol và Ia Ake	0.50	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 395/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
VIII	**Huyện Krông Pa**		**0.70**			
1	Đường giao thông huyện Krông Pa	Thị trấn Phú Túc	0.70	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 355/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
IX	**Huyện Mang Yang**		**3.97**			
1	Đường từ xã Đak Trôi, huyện Mang Yang đi xã Ayun, huyện Chư Sê	Xã Đak Trôi	1.52	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
2	Đường vào trung tâm xã Kon Chiêng, huyện Mang Yang đi xã Chơ Long, huyện Kông Chro (đường từ Trung tâm xã Kon Chiêng đến làng Đăk Ó và cụm dân cư 3 làng khối III)	Xã Kon Chiêng	2.38	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
3	Đường vào vườn Quốc gia Kon Ka Kinh (đường liên xã Đak Yă, A Yun và Đak Jơ Ta)	Xã A Yun	0.07	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 421/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
X	**Thị xã Ayun Pa**		**2.16**			
1	Đường quy hoạch từ ngã tư Ngô Quyền - Nguyễn Văn Trỗi đến đường Vành đai 1	Phường Hòa Bình	1.10	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	

2	Đường quy hoạch từ Vành đai 1 đến đường Ngô Quyền	Phường Cheo Reo	1.06	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 386/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
XI	**Huyện Chư Pưh**		**2.42**			
1	Đường đi vào cánh đồng Thơ Ga xã Chư Don	Xã Chư Don	0.30	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh	
2	Đường liên xã huyện Chư Pưh	Các xã: Ia Le, Ia Blứ, Ia Rong, Ia Phang và thị trấn Nhơn Hòa	1.00	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 389/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
3	Đường nội thị huyện Chư Pưh	Thị trấn Nhơn Hòa	1.00	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 424/NQ-HĐND ngày 17/6/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai	
4	Kiên cố hóa đập Khô Roa	Xã Ia Rong	0.12	Đất trồng lúa	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND huyện Chư Pưh	
25	**Tổng cộng**		**20.91**			

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT TỜ TRÌNH
V/v điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Thực hiện Chương trình kỳ họp, UBND tỉnh đã gửi đến các vị đại biểu HĐND tỉnh và quý đại biểu dự kỳ họp Tờ trình số 1831/TTr-UBND ngày 16/11/2021 về việc điều chỉnh, bổ sung một số dự án trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai. Thay mặt UBND tỉnh, tôi xin báo cáo HĐND tỉnh, quý vị đại biểu và cử tri những nội dung chủ yếu như sau:

Điều chỉnh, bổ sung điểm a, b khoản 2 và khoản 5, Điều 1 Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương và biểu số 1, 2 kèm theo, cụ thể:

1. Bổ sung tăng 386.766 triệu đồng từ nguồn không trích nộp 30% nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2022 vào quỹ phát triển đất dành lại để đầu tư; trong đó:

a. Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: bổ sung 228.420 triệu đồng; cụ thể:

(1) Dự án Sửa chữa, nâng cấp đường liên huyện Pleiku - Đak Đoa - Chư Sê đoạn ngã ba La Sơn đến trung tâm xã Ia Tiêm (Km0+00 - Km7+100) bổ sung 19.902 triệu đồng.

Lý do bổ sung: năm 2020 bố trí quỹ dự trữ tài chính nhưng không thực hiện được phải thu hồi. Chuyển sang sử dụng vốn đầu tư công để thanh toán khối lượng hoàn thành.

(2) Dự án Trường THCS Nguyễn Du Đăk Pơ bổ sung 2.080 triệu đồng.

Lý do bổ sung: thanh toán khối lượng hoàn thành của dự án (năm 2020 hụt thu nguồn vốn xổ số kiến thiết nên không có vốn để thanh toán).

(3) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 bổ sung 35.730 triệu đồng.

Lý do bổ sung: xây dựng dự án theo quy định của Luật dân quân tự vệ năm 2019 nhằm đảm bảo an ninh, quốc phòng khu vực biên giới.

(4) Xử lý hụt thu năm 2019, 2020: 170.708,183 triệu đồng.

b. Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: bổ sung 158.346 triệu đồng.

2. Nguồn vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư:

a. Điều chỉnh tăng 15.920 triệu đồng từ nguồn vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư cho 01 dự án, cụ thể:

(1) Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 bổ sung 15.920 triệu đồng.

Lý do bổ sung: xây dựng dự án theo quy định của Luật dân quân tự vệ năm 2019 nhằm đảm bảo an ninh, quốc phòng khu vực biên giới.

b. Điều chỉnh giảm 15.920 triệu đồng từ nguồn vốn dự phòng tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư để bổ sung cho dự án Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (giảm vốn dự phòng từ 380.644 triệu đồng xuống còn 364.724 triệu đồng, tương ứng giảm vốn dự phòng từ 10% xuống còn 9,58%).

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, kỳ họp thứ Tư xem xét./.

Xin trân trọng cảm ơn!

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT TỜ TRÌNH

V/v Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Thực hiện Chương trình kỳ họp, UBND tỉnh đã gửi đến các vị đại biểu HĐND tỉnh và quý đại biểu dự kỳ họp Tờ trình số 1931/TTr-UBND ngày 16/11/2021 đề nghị Phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn ngân sách địa phương và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2022 nguồn ngân sách Trung ương. Thay mặt UBND tỉnh, tôi xin báo cáo HĐND tỉnh, quý vị đại biểu và cử tri những nội dung chủ yếu như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021.

I. Tình hình giao kế hoạch đầu tư công năm 2021.

Kế hoạch năm 2021 của tỉnh theo Quyết định số 2185/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ giao là 3.101,937 tỷ đồng; kế hoạch năm 2021 của địa phương giao là 3.313,937 tỷ đồng.

II. Tình hình thực hiện và giải ngân.

1. Tình hình thực hiện và giải ngân.

1.1. Tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn giao từ đầu năm.

Đến ngày 06/12/2021, khối lượng thực hiện được 1.522,838/2.498,296 tỷ đồng, đạt 60,96% kế hoạch vốn đã giao; giải ngân 1.743,477/2.498,296 tỷ đồng, đạt 69,79% kế hoạch vốn đã giao. Dự kiến giải ngân đến 31/01/2022 đạt 95,1% kế hoạch vốn đã giao.

1.2. Tình hình triển khai các dự án khởi công mới năm 2021.

- Vốn ngân sách địa phương (giao đợt 3 ngày 11/8/2021): theo quyết định 505/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh, có 31 dự án khởi công mới đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách địa phương đã được giao với số vốn là 752,191 tỷ đồng. Đến ngày 06/12/2021 đã giải ngân 227,142/812,156 tỷ đồng, đạt 27,97% kế hoạch.

- Vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giao đợt 3 ngày 24/9/2021: theo quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh với số vốn là 263 tỷ đồng; Đến ngày 06/12/2021 đã giải ngân 60,453/263 tỷ đồng, đạt 22,99% kế hoạch.

Ước giải ngân kế hoạch năm 2021 đạt 3.162,264 tỷ đồng/3.313,937 tỷ đồng đạt 95,4% kế hoạch.

III. Các giải pháp đã triển khai thực hiện để thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công năm 2021.

1. UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện quyết liệt, ban hành Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 19/8/2021 và các văn bản chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện gồm: Văn bản số 967/UBND-KTTH ngày 20/7/2021, Văn bản số 1088/UBND-KTTH ngày 05/8/2021; Văn bản số 3581/VP-CNXD ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh; Văn bản số 1454/UBND-KTTH ngày 04/10/2021 về tập trung thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống dịch Covid-19, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội. Xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là nhiệm vụ chính trị trọng tâm năm 2021 của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 trong bối cảnh đại dịch Covid; phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư NSNN đến 30/9/2021 đạt 60% kế hoạch và đến 31/12/2021 đạt từ 95-100% kế hoạch như Nghị quyết 63 đã đề ra.

2. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; chịu trách nhiệm toàn diện trước Tỉnh uỷ, UBND tỉnh để xảy ra chậm trễ, không đạt mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công năm 2021 ở địa phương mình và các dự án được giao làm Chủ đầu tư. Lấy kết quả giải ngân dự án đầu tư công đến 30/9 và cuối năm 2021 là một trong những cơ sở đánh giá năng lực của các Trưởng ban quản lý dự án các cấp, yêu cầu Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố xem xét năng lực của Trưởng Ban quản lý dự án các cấp, nếu không có khả năng, thiếu quyết liệt, không hoàn thành nhiệm vụ thì thay thế ngay.

3. Chỉ đạo đối với các chủ đầu tư, Ban quản lý:

- Tập trung cho công tác GPMB, các Sở, ngành, địa phương phối hợp triển khai tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc.

- Có các giải pháp phù hợp, chi tiết về tiến độ, kế hoạch, nhân công, phương tiện... để tổ chức thi công trong điều kiện dịch bệnh Covid-19 nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình. Đôn đốc các nhà thầu thi công chưa đạt theo kế hoạch đẩy nhanh tiến độ. Kiên quyết xử lý nghiêm và kịp thời đối với các đơn vị chậm tiến độ, vi phạm hợp đồng, chất lượng công trình.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết cho từng công trình, dự án; đồng thời tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng tuần với các đơn vị nhà nhầu để đánh giá, đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện kế hoạch; định kỳ trước 15 giờ thứ năm hàng tuần báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) về tiến độ thực hiện, giải ngân để kịp thời xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có).

4. Chỉ đạo đối với các, sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, các chủ đầu tư, ban quản lý dự án rà soát, đánh giá chi tiết, cụ thể về khả năng giải ngân của từng dự án.

- Các Sở chuyên môn về xây dựng tăng cường công tác kiểm tra công tác nghiệm thu công trình trong quá trình thi công, nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng theo quy định Luật Xây dựng năm 2014, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và đôn đốc các Chủ đầu tư kịp thời nghiệm thu khối lượng hoàn thành và thanh toán theo đúng quy định.

- Các sở, ban ngành, Kho bạc nhà nước tỉnh xử lý nghiêm khắc, điều chuyển các cá nhân có liên quan cố tình gây khó khăn, cản trở, làm chậm tiến độ giao, thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác phối hợp tháo gỡ, khó khăn vướng mắc liên quan đến đất đai, giải phóng mặt bằng, tài nguyên.

B. LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022.

1. Việc phân bổ vốn thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết 128/2020/NQ-HĐND ngày 10/9/2020 của HĐND tỉnh về ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.

2. Việc phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022 theo thứ tự ưu tiên:

2.1. Đối với vốn trong nước.

(1) Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản: Tỉnh không có.

(2) Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng trước nguồn NSTW. Tỉnh đã bố trí thu hồi hết trong năm 2021.

(3) Bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.

(4) Bố trí vốn còn thiếu cho các dự án trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025.

(5) Bố trí đủ vốn NSNN năm 2022 cho các dự án hoàn thành trong năm 2022.

(6) Bố trí vốn cho các dự án chuẩn bị đầu tư.

(7) Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2022.

(8) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, đã có đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

2.2. Đối với vốn nước ngoài

(1) Dự án kết thúc Hiệp định trong năm 2022.

(2) Dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2022.

II. Phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2022

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 là 3.689,781 tỷ đồng; tăng 16,27% so với kế hoạch năm 2021 (Tổng vốn kế hoạch năm 2021 tính 3.173,522 tỷ đồng, không tính 140,415 tỷ đồng đền bù, GPMB); cụ thể:

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 2.442,576 tỷ đồng; tăng 16,93 % so với kế hoạch năm 2021.

1.1. Vốn trong cân đối theo tiêu chí: 827,31 tỷ đồng; bằng so với năm 2021.

a. Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư: 399,31 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn CBĐT: 5,93 tỷ đồng; bố trí cho 12 dự án.

- Thực hiện dự án: 393,38 tỷ đồng; bố trí cho 11 dự án chuyển tiếp, 08 dự án khởi công mới, Chương trình KCH hạ tầng giao thông và kênh mương, hỗ trợ ngân hàng chính sách và 04 nhiệm vụ quy hoạch.

b. Vốn cân đối ngân sách tỉnh phân cấp cho huyện, thị xã, thành phố đầu tư là 428 tỷ đồng.

1.2. Nguồn thu tiền sử dụng đất:

Tổng thu tiền sử dụng đất năm 2022 là 1.500 tỷ đồng và phân bổ như sau:

a. Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác là 67,534 tỷ đồng.

b. Tiền sử dụng đất bố trí cho các dự án đầu tư công là 1.432,466 tỷ đồng tăng 35,19% so với kế hoạch năm 2021; trong đó:

b.1 Tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư: 846 tỷ đồng; tăng 53,81 % so với kế hoạch năm 2021 (gồm cả 30% không trích nộp vào quỹ đất), cụ thể:

- Vốn CBĐT: 12,18 tỷ đồng; bố trí cho 16 dự án.
- Vốn điều tiết về các địa phương (10%): 61,758 tỷ đồng (không tính phần vốn 30% do không trích nộp vào quỹ đất tỉnh dành để đầu tư).
- Bố trí kinh phí hụt thu năm 2019,2020: 170,708 tỷ đồng.
- Thực hiện dự án: 601,354 tỷ đồng; bố trí 02 dự án hoàn thành trước năm 2022, bố trí cho 16 dự án chuyển tiếp, 05 dự án khởi công mới, đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia.

c.2 Tiền sử dụng đất huyện, thị xã, thành phố đầu tư: 586,466 tỷ đồng; cụ thể:

- Dự án tổng thể xây dựng hồ sơ địa chính cơ sở dữ liệu địa chính tỉnh Gia lai (10%): 58,646 tỷ đồng.
- Vốn để lại đầu tư: 369,474 tỷ đồng:
- Nguồn 30% không trích nộp về quỹ phát triển đất dành để đầu tư: 158,346 tỷ đồng.

1.3. Xổ số kiến thiết: kế hoạch năm 2022 là 147 tỷ đồng; giảm 3,29% so với kế hoạch năm 2021.

- Vốn CBĐT: 5,02 tỷ đồng; bố trí cho 07 dự án.
- Thực hiện dự án: 141,98 tỷ đồng; bố trí cho 08 dự án khởi công mới, đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

1.4. Bội chi ngân sách: 35,8 tỷ đồng.

2. Ngân sách trung ương: kế hoạch năm 2022 là 1.247,205 tỷ đồng; tăng 15 % so với kế hoạch vốn năm 2021.

2.1. Vốn trong nước: (Các ngành, lĩnh vực, chương trình) kế hoạch năm 2022 là 1.021,691 tỷ đồng; tăng 18,17 % so với kế hoạch năm 2021.

- Vốn CBĐT: 48,37 tỷ đồng; bố trí cho 16 dự án.
- Vốn thực hiện dự án: 973,32 tỷ đồng, cụ thể:

+ Bố trí 511,988 tỷ đồng cho 08 dự án chuyển tiếp; Bố trí 461.332 tỷ đồng cho 08 dự án KCM.

2.2. Vốn nước ngoài: 225,515 tỷ đồng, bố trí cho 04 dự án chuyển tiếp; tăng 2,54% so với kế hoạch năm 2021.

III. Giải pháp thực hiện.

1. Về định hướng chỉ đạo, điều hành.

- Việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công phải bám sát các mục tiêu, chủ trương, đường lối của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, của Đảng bộ tỉnh, các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025.

- Triển khai thực hiện đúng với quy hoạch, Nghị quyết về phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng vùng động lực; xem đây là nền tảng, là cơ sở để định hướng đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phân cấp, phân quyền, phân công, phân nhiệm, cá thể hoá trách nhiệm trong đó xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu, chịu trách nhiệm toàn diện đi đôi với phối hợp, giám sát, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh. Kiểm soát chặt chẽ số lượng dự án và thời gian bố trí vốn, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả, tính liên tục trong đầu tư công. Quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công.

2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong thực hiện đầu tư công.

3. Về công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

Tập trung cho công tác Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và khai thác quỹ đất cho phát triển kết cấu hạ tầng một cách hiệu quả, tiết kiệm nhất. Chủ động xây dựng các dự án để bồi thường giải phóng mặt bằng và cân đối bố trí vốn để chi trả cho người dân; đồng thời vận động nhân dân để có sự đồng thuận lớn trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đầu tư, xây dựng.

Tập trung nguồn lực đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng, trong đó ưu tiên đầu tư tập trung cho các công trình trọng điểm, theo đúng quy hoạch, thứ tự ưu tiên và định hướng của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý đầu tư xây dựng hạ tầng từ khâu lập, thẩm định, quyết định phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng mức đầu tư đến khâu lựa chọn nhà đầu tư, nhà thầu có đủ năng lực thực hiện dự án. Kiểm tra giám sát đầu tư, giám sát chất lượng công trình và hiệu quả đầu tư; thực hiện tốt việc duy tu, bảo dưỡng, bảo trì công trình xây dựng để phát huy tính năng sử dụng, duy trì độ bền vững và bảo đảm cảnh quan môi trường.

5. Về khai thác các nguồn lực tài chính: Tiếp tục tranh thủ các nguồn đầu tư từ ngân sách Trung ương. Đẩy mạnh thu hút và sử dụng có hiệu quả vốn ODA, vốn PPP mà tỉnh còn dư địa để đầu tư các công trình có mức đầu tư lớn, tính kết nối cao, phạm vi hưởng lợi nhiều; đồng thời phải được kiểm soát một cách chặt chẽ về mục tiêu, hiệu quả đầu tư, kế hoạch trả nợ.

VI. Dự kiến kết quả đạt được.

Dự kiến hoàn thành 32/64 dự án, trong đó khởi công mới trong năm 2022 là 31 dự án. Có 04/04 nhiệm vụ quy hoạch hoàn thành trong năm. Các công trình hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2022 có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, đảm bảo cơ cấu đầu tư hài hoà giữa các ngành, lĩnh vực góp phần vừa gia tăng động lực phát triển, vừa đảm bảo an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; trong đó có nhiều dự án lớn, có ý nghĩa quan trọng như tuyến giao thông biên giới cấp bách trên địa bàn huyện Đức Cơ, tuyến liên huyện Chư Sê-Chư Pưh-Chư Prông, đường liên xã huyện Chư Pưh, đường Lê Đại Hành (thành phố Pleiku), đường Lý Thường Kiệt (thị xã An Khê), đường Phan Đình Phùng (Chư sê), đường liên xã Ia Dêr-Ia Bă (Ia Grai), đường liên xã phía Đông sông Ba (Ia Pa),...

Kính trình HĐND tỉnh khoá XII-kỳ họp thứ Tư xem xét./.

Xin trân trọng cảm ơn!

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Tờ trình về đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020.

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Thực hiện Chương trình kỳ họp, UBND tỉnh đã gửi đến các vị đại biểu HĐND tỉnh và quý đại biểu dự kỳ họp Tờ trình số 1794/TTr-UBND ngày 12/11/2021 về đề nghị phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2020 như sau:

I. Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 được Chính phủ giao là 4.570 tỷ đồng; Hội đồng nhân dân tỉnh giao 5.200 tỷ đồng.

Số quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2020 là 4.582,38 tỷ đồng *(không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên)*, đạt 100,3% dự toán Chính phủ giao, đạt 88,1% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao và bằng 100,6% so với năm trước.

1. Các khoản thu đạt khá so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao: Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương đạt 109,7%; thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 130,3%; thuế bảo vệ môi trường đạt 102,1%; phí lệ phí đạt 100,5%; thu tiền thuê mặt đất mặt nước 243,7%; thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 103,1% và thu khác ngân sách đạt 106,0%.

2. Các khoản thu chưa đạt so với dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao: Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý đạt 81,6%; thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt 86,3%; lệ phí trước bạ đạt 72,2%; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 96,5%; thu thuế thu nhập cá nhân đạt 84,8%; thu tiền sử dụng đất đạt 75,3%; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác đạt 96,8%; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 77,6%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 30,7%.

II. Quyết toán chi ngân sách địa phương:

Tổng chi ngân sách địa phương được Chính phủ giao là 12.923,1 tỷ đồng, HĐND tỉnh giao 13.633,1 tỷ đồng.

Quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2020 là 15.259,3 tỷ đồng; nếu loại trừ khoản chi chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021, số quyết toán chi

ngân sách địa phương là 13.760,8 tỷ đồng, bằng 100,9% so dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao năm 2020.

Để đảm bảo thực hiện đúng các qui định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản qui định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách năm 2020 với các số liệu tổng hợp như sau:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn : **4.582.386** triệu đồng

(không kể thu chuyển giao, thu vay, thu chuyển nguồn, thu từ cấp dưới nộp lên); gồm:

- Thu ngân sách trung ương:	591.291	-
- Thu ngân sách địa phương:	3.991.094	-
2. Tổng thu ngân sách địa phương:	**16.581.996**	triệu đồng
- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp:	3.991.094	-
- Thu chuyển nguồn từ năm trước sang:	2.010.492	-
- Thu kết dư ngân sách:	1.077.229	-
- Thu bổ sung từ ngân sách trung ương:	9.332.885	-
- Thu từ cấp dưới nộp lên	149.048	-
- Địa phương vay từ nguồn cho vay lại của CP	21.248	-
3. Tổng chi ngân sách địa phương:	**15.259.314**	triệu đồng
- Chi đầu tư phát triển:	3.763.375	-
- Chi thường xuyên:	9.523.781	-
- Chi trả lãi các khoản vay	121	-
- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính:	131.302	-
- Chi chuyển nguồn sang năm sau:	1.498.451	-
- Chi nộp ngân sách cấp trên:	311.284	-
- Chi trả nợ gốc vay của NSĐP:	31.000	-
4. Kết dư ngân sách địa phương (2)-(3):	**1.322.682**	triệu đồng
- Ngân sách cấp tỉnh:	685.955	-
- Ngân sách cấp huyện:	464.480	-
- Ngân sách xã:	172.246	-
5. Quỹ dự trữ tài chính địa phương:		
a. Số dư đầu năm:	655.664	-
b. Tăng trong năm:	7.367	-
- Trích bổ sung từ NSĐP năm 2020:	1.400	-
- Lãi tiền gửi Kho Bạc:	5.967	-
c. Số sử dụng trong năm:	0	-
d. Số dư 31/12/2020:	663.031	-

III. Nội dung báo cáo HĐND tỉnh theo kiến nghị của Kiểm toán

Theo kiến nghị của Kiểm toán khu vực XII: *"Đề nghị UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, có ý kiến đối với việc UBND tỉnh, UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai chưa trích 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020"*. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định như sau:

- Đối với ngân sách cấp tỉnh: Tại báo cáo số 169/BC-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh về việc báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Theo đó, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh do hụt thu ngân sách tỉnh năm 2020 nên đề nghị

không trích 30% tiền sử dụng đất về Quỹ phát triển đất theo dự toán giao (và trong dự toán năm 2021, ngân sách tỉnh không bố trí kinh phí trích 30% tiền sử dụng đất của năm 2020 về Quỹ Phát triển đất). Do đó, đề nghị HĐND tỉnh xem xét, cho phép UBND tỉnh không trích 30% tiền sử dụng đất năm 2020.

- Đối với UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai: Năm 2020, có 14/17 huyện, thị xã đã nộp trích nộp 30% tiền sử dụng đất ngân sách huyện về Quỹ phát triển đất theo đúng quy định. Đề nghị HĐND tỉnh xem xét, giao UBND tỉnh chỉ đạo UBND thành phố Pleiku và các huyện Chư Sê, Ia Grai bố trí nguồn nộp đủ 30% quyết toán thu tiền sử dụng đất nộp Quỹ Phát triển đất tỉnh theo quy định của UBND tỉnh Gia Lai về giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020.

Xin trân trọng cám ơn!

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Tờ trình Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSĐP cho thời kỳ 2022-2025.

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Thực hiện Chương trình kỳ họp, UBND tỉnh đã gửi đến các vị đại biểu HĐND tỉnh và quý đại biểu dự kỳ họp Tờ trình số 1869/TT-UBND ngày 18/11/2021 về việc quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thay mặt UBND tỉnh, tôi xin báo cáo HĐND tỉnh, quý vị đại biểu và cử tri những nội dung cơ bản của dự thảo Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSĐP giai đoạn 2022-2025 như sau:

A. Căn cứ, yêu cầu và nguyên tắc phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi,tiêu chí và định mức phân bổ chi ngân sách:

I. Cơ sở pháp lý:

1. Luật Ngân sách nhà nước sửa đổi năm 2015;

2. Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

3. Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

4. Dự toán ngân sách trung ương giao năm 2022; tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương; khả năng thu ngân sách năm 2022 và các năm 2022-2025 của tỉnh.

II. Nguyên tắc:

- Ngân sách cấp tỉnh giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ quan trọng của địa phương; bổ sung cân đối ngân sách và bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

- Ngân sách cấp huyện, cấp xã được phân cấp nguồn thu để chủ động thực hiện những nhiệm vụ chi được giao, hạn chế bổ sung từ ngân sách cấp trên trừ các nguồn thu không ổn định hàng năm; khuyến khích các cấp tăng cường quản lý thu, khai thác, chống thất thu ngân sách tạo nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nguồn thu gắn liền với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho ngân sách cấp chính quyền đó và phải phù hợp với điều kiện, đặc điểm của từng vùng, từng địa phương.

- Việc xây dựng hệ thống định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi đặc biệt khó khăn, khó khăn, biên giới.

- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương và Nghị quyết của Quốc hội. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan và địa phương.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước.

- Tiêu chí phân bổ ngân sách phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, kiểm tra và giám sát; bảo đảm công bằng, công khai và minh bạch.

- Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố với yêu cầu triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài;

- Định mức phân bổ của ngân sách địa phương được xây dựng cho các lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, bảo đảm chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ và mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng, hoạt động của cơ quan quản lý hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách được Nhà nước ban hành, có hiệu lực đến thời điểm ngày 01 tháng 9 năm 2021 (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 – 2025. Từ năm ngân sách 2022, việc ban hành và thực hiện chế độ mới làm tăng chi ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 9

của Luật Ngân sách nhà nước; ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ đối với các huyện, thị xã, thành phố sau khi các địa phương đã sử dụng các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định mà chưa cân đối đủ nguồn lực để thực hiện. Trường hợp địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh hoặc sự cố nghiêm trọng, địa phương phải chủ động sử dụng dự toán ngân sách địa phương, bao gồm cả dự phòng và các nguồn tài chính hợp pháp theo quy định để khắc phục; trường hợp vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách cấp tỉnh sẽ hỗ trợ cho ngân sách địa phương;

- Trường hợp dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản vốn trong nước *(không bao gồm chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất)* và dự toán chi thường xuyên ngân sách các huyện, thành phố tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 thấp hơn dự toán năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, Ủy ban nhân dân tỉnh giao sẽ được hỗ trợ để không thấp hơn. Đối với số hỗ trợ cân đối chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được chủ động bố trí cơ cấu chi ngân sách năm 2022 theo nguyên tắc triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tập trung nguồn lực tăng chi đầu tư phát triển.

- Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định khác ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ định mức do HDND tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho Ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hàng năm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Riêng đối với khoản chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề; sự nghiệp khoa học và công nghệ; huyện, thị xã, thành phố phân bổ không được thấp hơn mức tỉnh phân bổ cho địa phương; đồng thời gửi Ủy ban nhân dân tỉnh để tổng hợp báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

B. Một số nội dung thay đổi cơ bản so với Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND:

I. Một số nội dung thay đổi cơ bản về phân cấp nguồn thu:

1) Các khoản thuế; lệ phí môn bài: Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên (trừ thuế tài nguyên thù từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí), thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, lệ phí môn bài, Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu sản xuất trong nước.

Dự thảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 bổ sung để rõ ràng, thống nhất cách hiểu; khuyến khích về tăng cường trách nhiệm của các địa phương về quản lý thuế, cụ thể:

Ngân sách tỉnh hưởng 100% sửa cụm từ Cục thuế tỉnh thu ***thành Cục thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế*** và bổ sung thêm nội dung: ***Thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu sản xuất trong nước. Không bao gồm nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây***

dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp).

Ngân sách huyện hưởng 100% sửa cụm từ Chi cục thuế thu ***thành Chi cục thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế*** và bổ sung thêm nội dung ***Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện (kể cả các doanh nghiệp, tổ chức thi công xây dựng do Cục Thuế tỉnh và Cục Thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp)và Nguồn thu thuế giá trị gia tăng được phân bổ từ hoạt động xây dựng các công trình, dự án bằng nguồn vốn khác trên địa bàn cấp huyện (không phân biệt loại hình doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thi công xây dựng do cơ quan thuế ngoài tỉnh quản lý trực tiếp).***

Tiêu chí Cục thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế và Chi cục thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thực hiện theo Quyết định số 305/QĐ-CT ngày 25/4/2017 của Cục Thuế tỉnh về quy định phân công cơ quan thuế quản lý đối với người nộp thuế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2) Thu tiền sử dụng đất (trừ trường hợp thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do cơ quan nhà nước trung ương thực hiện) và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước:

Dự thảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 điều chỉnh:

Đối với ngân sách tỉnh: Từ hưởng 100% thành ***Ngân sách cấp tỉnh hưởng 90%, ngân sách cấp huyện hưởng 10%: Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện;***

Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%: Tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền một lần từ dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư thực hiện; tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền hàng năm của các tổ chức do Cục Thuế tỉnh quản lý trực tiếp người nộp thuế.

Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai ở Điều khoản thi hành có nội dung bãi bỏ Điều 4 Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/11/2020 của HĐND tỉnh về các nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai (thông qua hình thức điều tiết khoản thu thay vì bổ sung ngân sách có mục tiêu xuống huyện theo tiến độ thu. Để đơn vị chủ động trong quá trình sử dụng ngân sách thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi về tiền sử dụng đất của từng cấp ngân sách trong quá trình lập dự toán và chấp hành và quyết toán ngân sách.

Đối với Ngân sách huyện: Từ hưởng 100% thành ***Ngân sách huyện hưởng 90%, ngân sách tỉnh hưởng 10% (để thực hiện dự án đo đạc): Tiền sử dụng đất từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện; tiền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân do UBND huyện, thị xã, thành phố quyết định;***

Ngân sách cấp huyện hưởng 100%: Tiền thuê đất, thuê mặt nước từ dự án do ngân sách cấp huyện đầu tư thực hiện; tiền thuê đất, thuê mặt nước nộp tiền

hàng năm của các tổ chức, cá nhân do Chi cục Thuế huyện, thành phố, khu vực quản lý trực tiếp người nộp thuế..

Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai ở Điều khoản thi hành có nội dung bãi bỏ Điều 4 Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND tỉnh. Lý do: điều chỉnh bằng hình thức điều tiết các khoản thu tiền sử dụng đất chứ không bằng hình thức NS huyện chi nộp lên NS tỉnh 10% để thực hiện dự án đo đạc. Để tỉnh chủ động trong việc chi cho dự án đo đạc không chờ huyện nộp lên tỉnh và thực hiện theo đúng quy định hiện hành về quản lý nguồn thu gắn với nhiệm vụ chi về tiền sử dụng đất của từng cấp ngân sách trong quá trình lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách.

3) Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

Dự thảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025 điều chỉnh:

Đối với Giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp: nộp 100% cho ngân sách cấp tỉnh thành ***Đối với Giấy phép do UBND tỉnh cấp: Ngân sách cấp tỉnh 70%; Ngân sách cấp huyện 30%.***

***Lý do*:** Khuyến kích, tăng cường trách nhiệm của các địa phương về quản lý thuế (Dự toán thu NSNN năm 2021: Pleiku, Chư Pah, Kôngchro và Ia Pa tổng số giao là 5.520 trđ).

II. Một số nội dung cơ bản dự kiến thay đổi về định mức phân bổ ngân sách địa phương:

1. Về xây dựng định mức phân bổ:

- Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/10/2016 nội dung: Đối tượng áp dụng: ***Sở, ban, ngành, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.***

Phần tổ chức thực hiện có nêu: Định mức phân bổ chi ngân sách của huyện, thị xã, thành phố mang tính chất tạo nguồn cho ngân sách huyện, không phải định mức chi tiêu ngân sách. Căn cứ khả năng tài chính – ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, ***Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ dự toán cho từng cơ quan, đơn vị cấp huyện và cho ngân sách xã, phường thị trấn.***

- Dự thảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025, nội dung: Đối tượng áp dụng: ***Sở, ban, ngành, các cơ quan Đảng, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, các xã, phường, thị trấn.***

Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương nếu rõ: Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các quy định ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ để xác định tổng chi thường xuyên. Căn cứ định mức do HDND tỉnh ban hành, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm, tình hình ở địa phương, ***Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị dự toán cấp huyện và cho Ngân sách cấp xã, phường, thị trấn hàng năm***

trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê duyệt đảm bảo phù hợp từng cấp chính quyền địa phương, phù hợp tình hình thực tế của từng lĩnh vực chi và theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Lý do: Nội dung giao Ủy ban nhân dân cấp huyện cùng cấp ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách cấp huyện trong thời kỳ ổn định ngân sách địa phương không có trong các văn bản quy định của pháp luật do đó đối với thời kỳ 2022-2025 Dự thảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách xây dựng định mức phân bổ dự toán đến ngân sách cấp huyện, cấp xã, phường, thị trấn.

C. Về định mức phân bổ chi ngân sách địa phương.

Một số nội dung tổng quát về định mức như sau:

- Định mức chi sự nghiệp giáo dục, chi quản lý hành chính: Tiêu chí chính là phân bổ đủ quỹ lương lương và phụ cấp lương theo quy định hiện hành với mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng của số biên chế được giao.

- Định mức chi Giáo dục trung học phổ thông theo lớp và định mức chi khác (cho khối QLHC cấp tỉnh) tính tối thiểu bằng 107% so với định mức được giao năm 2017 *(Căn cứ vào tỷ lệ trượt giá giai đoạn: 2017-2021 của Cục Thống kê thông báo 107%).*

- Đối với cấp ngân sách huyện, tính toán đảm bảo cơ cấu chi khác tối thiểu đủ 20% (đối với khối Giáo dục Đào tạo và Dạy nghề); và 25% (đối với khối QLHC) so với tổng chi;

(Theo quy định tại QĐ số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022).

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các chế độ, chính sách được trung ương và địa phương ban hành trong giai đoạn 2017-2021;

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện đúng theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng Ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ - CP của Chính phủ để giảm mức hỗ trợ từ NSNN;

- Ngoài ra còn phân bổ bổ sung các khoản chi mang tính chất riêng biệt cho các ngành, các địa phương, đã được quy định trong Dự thảo;

I. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp tỉnh:

1. Định mức phân bổ chi QLHC:

Hiện nay, định mức phân bổ chi khác của khối quản lý hành chính được phân bổ theo số biên chế được giao.

Áp dụng định mức theo phương pháp lũy thoái; số biên chế do cơ quan có thẩm quyền giao cho từng cơ quan, đơn vị được chia thành các bậc khác nhau với quy mô biên chế bậc đầu tiên là 19 biên chế trở xuống. Định mức phân bổ ngân sách giảm dần theo các bậc biên chế, cụ thể như sau:

- Từ 19 biên chế trở xuống, giao 32 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ biến chế thứ 20 đến 29, giao 31 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ biên chế thứ 30 đến 49, giao 29 triệu đồng/biên chế/năm
- Từ biên chế thứ 50 trở lên, giao 29 triệu đồng/biên chế/năm

- Qua tham khảo Dự thảo định mức chi khác khối QLHC của các tỉnh như sau: Tỉnh Kon Tum: từ 27 triệu đến 36 triệu; Tỉnh Đăk Nông: 28 triệu; Tỉnh Đăk Lăk: 23 triệu đến 31 triệu.

- Tỷ lệ trượt giá năm 2022 so với năm 2017 là 1,07 lần (Theo số liệu của Cục Thống kê).

- Chênh lệch biên chế vận dụng theo bậc của các cơ quan TW tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022, chênh lệch mỗi bậc biên chế là 4 triệu đến 5 triệu). Địa phương áp dụng chênh lệch mỗi bậc biên chế là 01 triệu.

- Chi khác bình quân tăng hơn so với năm 2021.

2. Dự toán chi quản lý hành chính các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách (từ năm 2023 - 2025), được xác định theo biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao và định mức phân bổ chi quản lý hành chính điều chỉnh tăng/giảm theo khả năng ngân sách nhà nước UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách địa phương hàng năm.

(Vận dụng khoản 4, Điều 1 của Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg)

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông theo lớp năm 2022 tăng so với định mức của năm 2017 là 1,07 lần do tỷ lệ trượt giá năm 2022 so với năm 2017 là 1,07 lần (Theo số liệu của Cục Thống kê). Cụ thể như sau:

- Từ lớp thứ 17 trở xuống, giao 48 triệu đồng/lớp/năm

- Từ lớp thứ 18 đến lớp thứ 27, giao 45 triệu đồng/lớp/năm

- Từ lớp thứ 28 trở lên, giao 42 triệu đồng/lớp/năm

4. Các lớp chuyên được tính bằng 200% so với lớp không chuyên; Các lớp thuộc Trường PT Dân tộc Nội trú tỉnh, trường THPT DTNT Đông Gia Lai được tính bằng 200% định mức.

5. Nếu tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập (không kể lương và có tính chất lương) nhỏ hơn 20% so với tổng chi sự nghiệp giáo dục, sẽ được bổ sung để đảm bảo tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 80%, chi cho hoạt động giảng dạy và học tập tối thiểu 20% (chưa kể nguồn thu học phí). Tỷ lệ nêu trên áp dụng cho lĩnh vực giáo dục trên địa bàn toàn tỉnh, không phải áp dụng riêng cho lĩnh vực giáo dục trung học phổ thông.

6. Định mức phân bổ chi đào tạo theo lớp của các trường đào tạo năm 2022 được tính theo hệ đào tạo. Cụ thể như sau:

Cao đẳng sư phạm: 123 triệu đồng/lớp/năm.

Khối ngành kỹ thuật – nghiệp vụ: 145 triệu đồng/lớp/năm.

Trung học sư phạm: 105 triệu đồng/lớp/năm.

Khối ngành sức khỏe: 115 triệu đồng/lớp/năm.

Khối ngành văn hóa – nghệ thuật: 65 triệu đồng/lớp/năm.

7. Phân bổ chi khám, chữa bệnh:

"Giai đoạn 2022-2025 thực hiện hỗ trợ từ NSNN đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo cơ chế tự chủ quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ." Cụ thể:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: Ngân sách nhà nước hỗ trợ chi thường xuyên sau khi đơn vị đã sử dụng nguồn thu sự nghiệp và nguồn thu phí được để lại chi để thực hiện nhiệm vụ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nhưng chưa bảo đảm chi thường xuyên;

- Hằng năm, thực hiện nghiêm lộ trình giá dịch vụ khám chữa bệnh, phấn đấu tăng khả năng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế để giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Định mức chi công tác y tế dự phòng, dân số, trạm y tế (Tuyến tỉnh, tuyến huyện).

- Định mức chi thường xuyên chi công tác y tế dự phòng tuyến tỉnh: được hỗ trợ chi hoạt động vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể.

- Định mức chi thường xuyên của Trạm y tế xã, hoạt động y tế dự phòng, hoạt động y tế dân số thuộc Trung tâm y tế huyện, thị xã, thành phố: 20 triệu đồng/biên chế/năm.

8. Định mức phân bổ chi cho các lĩnh vực còn lại bổ sung, sửa đổi như sau:

- Tiêu chí xác định định mức: theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao;

- Định mức chi thường xuyên: ngân sách nhà nước đảm bảo quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của những người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hỗ trợ chi hoạt động được vận dụng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể;

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: Thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền qui định theo pháp luật. Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên.

(Theo quy định tại khoản 1, điều 2, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022).

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí): Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình điều

chỉnh giá, phí dịch vụ của từng lĩnh vực và khả năng tự đảm bảo chi hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp của đơn vị;

(Theo quy định tại khoản 1, điều 2, Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022).

Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao để tính toán mức phân bổ kinh phí cho phù hợp và tổng hợp vào phương án phân bổ ngân sách trình HĐND Tỉnh.

II. Định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách cấp huyện và cấp xã:

1. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề:

1.1. Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề cấp huyện:

- Phân bổ đủ quỹ lương cho số chỉ tiêu biên chế ở thời điểm cuối năm 2021.

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

- Trên cơ sở định mức trên, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp dạy tăng, dạy thay), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số công chức, viên chức trong chỉ tiêu biên chế được giao ở thời điểm cuối năm **2021** cao hơn **80%** tổng chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ **20%** cho các khoản chi còn lại (chưa kể nguồn thu học phí) và đảm bảo không thấp hơn dự toán chi năm 2021.

1.2. Bổ sung mới định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề cấp xã:

- Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022	
	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	12.320
Vùng còn lại	1,15	14.160
Vùng khó khăn	1,30	16.010
Vùng ĐBKK	1,70	20.940

2. Sự nghiệp Văn hóa - thông tin:

2.1 Sự nghiệp Văn hóa – thông tin cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

- Di tích lịch sử: định mức cũ là 70 triệu đồng/di tích nay tăng lên 100 triệu đồng/di tích.

2.2. Bổ sung mới định mức phân bổ chi Sự nghiệp Văn hóa – thông tin cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022	
	Hệ số	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	3.630
Vùng còn lại	1,2	4.350
Vùng khó khăn	1,4	5.080
Vùng ĐBKK	1,9	6.890

3. Sự nghiệp truyền thanh, truyền hình cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

4. Định mức chi sự nghiệp Thể dục thể thao cấp huyện và cấp xã:

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

5. Đảm bảo xã hội:

5.1. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

- Kinh phí thực hiện NĐ 20/2021/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội; Kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội; Kinh phí thực hiện Đề án giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện theo chế độ quy định.

- Hàng năm ngân sách cấp tỉnh sẽ xem xét bổ sung có mục tiêu cho Ngân sách cấp huyện chi: hỗ trợ đời sống cho đối tượng chính sách, các khoản hỗ trợ cứu đói, khắc phục hậu quả thiên tai cấp thiết, xảy ra trên diện rộng vượt quá khả năng đảm bảo của Ngân sách cấp huyện.

5.2. Bổ sung mới định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Định mức phân bổ năm 2022	
	Hệ số	Định mức cấp xã
Vùng đô thị	1	3.580
Vùng còn lại	1,2	4.290
Vùng khó khăn	1,4	5.010
Vùng ĐBKK	1,9	6.800

6. Chi Quốc phòng - An ninh:

6.1. Định mức phân bổ chi Quốc phòng - An ninh cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

Một số nội dung thay đổi so với định mức cũ:

- Bổ sung để tăng cường công tác bảo vệ quốc phòng - an ninh biên giới (bao gồm kinh phí thực hiện Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 09/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ "về việc tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới"): từ 850 triệu đồng/xã biên giới/năm lên mức 1.000 triệu đồng/xã biên giới/năm.

- Trung đội dân quân SMPK 12,7 mm: từ 40 triệu đồng lên mức 67 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân ĐKZ 82 mm: từ 33 triệu đồng lên mức 41 triệu đồng/trung đội/năm.

- Trung đội dân quân cối 82 mm: từ 23 triệu đồng lên mức 28 triệu đồng/trung đội/năm.

- Bổ sung để đảm bảo hoạt động của Tiểu đội dân quân thường trực: từ 526 triệu đồng lên mức 595 triệu đồng/tiểu đội/năm.

6.2. Bổ sung mới nội dung định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh cấp xã:

Phân bổ theo dân số:

Đơn vị tính: đồng/người dân/năm

Phân theo vùng	Chi quốc phòng		Chi an ninh	
	Hệ số	Định mức	Hệ số	Định mức
Vùng đô thị	1	19.280	1,25	7.950
Vùng còn lại	1	19.280	1,0	6.360
Vùng khó khăn	1,5	28.920	1,5	9.540
Vùng ĐBKK	1,7	32.770	1,7	10.810

7. Quản lý hành chính:

7.1 Đối với cấp huyện:

- Phân bổ theo dân số năm 2021 phân theo 4 vùng (Vùng đô thị, Vùng còn lại, Vùng khó khăn, Vùng đặc biệt khó khăn) so với tiêu chí 3 khu vực của năm 2017 (Khu vực 1, Khu vực 2, Khu vực 3 (xã ĐBKK).

Một số nội dung thay đổi so với định mức cũ:

- Phân bổ chi hoạt động hành chính theo đơn vị hành chính huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện): từ mức 2.160 triệu đồng lên mức 2.300 triệu đồng/huyện/năm.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí hoạt động cho chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, buôn, làng của xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2010/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính; kinh phí hoạt động khu dân cư, xã thuộc vùng khó khăn theo quy định tại Thông tư liên tịch số 144/2014/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/9/2014 của Liên Bộ: Tài chính – Văn hóa Thể thao và Du lịch;

+ Hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh được tính bổ sung thêm ngoài phần định mức theo dân số cho các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện.

c) Các nội dung khác:

- Trên cơ sở định mức trên, nếu tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế ở thời điểm cuối năm 2021 cao hơn **75%** tổng chi quản lý hành chính, sẽ được bổ sung để đảm bảo đủ **25%** cho các khoản chi còn lại.

7.2. Bổ sung mới nội dung định mức phân bổ chi hành chính đối với cấp xã:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu biên chế được duyệt

Tiền lương, phụ cấp (không kể phụ cấp làm đêm, thêm giờ), các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) của số cán bộ, công chức trong chỉ tiêu biên chế được duyệt.

b) Phân bổ theo đơn vị hành chính từ mức 940 triệu đồng lên mức 1.000 triệu đồng/xã/năm.

- Phân bổ bổ sung:

+ Kinh phí phụ cấp hàng tháng cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã; kinh phí phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; kinh phí bồi dưỡng hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn; Kinh phí khoán kinh phí hoạt động hàng tháng của các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; Phụ cấp Đại biểu HĐND xã; Phụ cấp ủy xã;

8. Sự nghiệp kinh tế:

Một số nội dung thay đổi so với định mức cũ:

- Nghị quyết 26/2016/NQ-HĐND ngày 08/10/2016 dự toán chi hoạt động kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố phân bổ theo mức bằng 10% chi thường xuyên của các lĩnh vực (từ mục 2.1 đến mục 2.8 trừ khoản phân bổ bổ sung trong lĩnh vực chi quốc phòng - an ninh qui định tại điểm b mục 2.7).

- Dự thảo phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách cho thời kỳ 2022-2025:

a) Phân bổ theo chỉ tiêu dân số:

- Đô thị: 193.970 đ/người
- Vùng còn lại: 228.200 đ/người
- Vùng khó khăn: 342.300 đ/người
- Vùng ĐBKK: 456.400 đ/người

b) Phân bổ theo loại đô thị:

- Đô thị loại I: 140.000 trđ/đô thị;
- Đô thị loại II: 85.000 trđ/đô thị (mức củ: 46.500 trđ/đô thị);
- Đô thị loại III: 24.000 trđ/đô thị (mức củ: 12.750 trđ/đô thị);
- Đô thị loại IV: 17.000 trđ/đô thị (mức củ: 8.500 trđ/đô thị);
- Đô thị loại V: 8.500 trđ/đô thị (mức củ: 5.000 trđ/đô thị);

Bổ sung kinh phí đô thị loại I thành phố Pleiku: 25.000 trđ/đô thị (mức củ: 45.000 trđ/đô thị);

Bổ sung kinh phí đô thị loại IV Ayun Pa, An Khê và Chư Sê: 10.000 trđ/đô thị; để chỉnh trang đô thị (mức củ: 5.000 trđ/đô thị).

Bổ sung kinh phí đô thị loại V: 5.000 triệu đồng /đô thị; để chỉnh trang đô thị;

9. Sự nghiệp môi trường:

Một số nội dung thay đổi so với định mức củ:

- Bổ sung cho đô thị: Thành phố Pleiku 12.000 triệu đồng (mức củ: 10.000 trđ); thị xã và huyện Chư sê: 4.020 trđ/thị xã (mức củ: 3.350 trđ);

- Các huyện: Đăk Đoa, Đức Cơ, Kbang, Chư Păh, Ia Grai, Krông Pa, Chư Pưh, Chư Prông, Phú Thiện: 1.920 triệu đồng/năm (mức củ: 1.600 trđ); các huyện : Đăk Pơ, Ia Pa, Kông Chro, Mang Yang: 1.200 triệu đồng/năm (mức củ: 1.000 trđ).

10. Chi sự nghiệp khoa học công nghệ:

Một số nội dung thay đổi so với định mức củ:

Phân bổ theo đô thị: Đô thị loại I: 600 triệu đồng/năm (mức củ: 560 trđ) ; Đô thị loại II: 550 triệu đồng/năm (mức củ: 510 trđ); Đô thị loại III: 520 triệu đồng/năm (mức củ: 460 trđ); Đô thị loại IV: 500 triệu đồng/năm (mức củ: 410 trđ); Đô thị loại V: 400 triệu đồng/năm (mức củ: 350 trđ)(huyện Chư Păh chỉ tính cho 01 đô thị loại V).

11. Chi thường xuyên khác:

Một số nội dung thay đổi so với định mức củ:

Đối với các huyện có biên giới đất liền với Campuchia được bổ sung kinh phí mức 500 triệu đồng/xã biên giới/năm để thực hiện quan hệ với các địa phương nước bạn (mức củ: 210 triệu đồng/xã biên giới/năm)

12. Phân bổ cho những huyện có dân số ít, điều kiện kinh tế xã hội khó khăn:

Bổ sung, sửa đổi như sau:

a) Đối với những huyện, thị xã có dân số ước tính trung bình năm 2022 thấp được phân bổ thêm:

- Dưới 50.000 dân: phân bổ thêm 15.000 triệu đồng/địa phương.

b) Phân bổ cho huyện có điều kiện kinh tế khó khăn huyện Kông Chro: 800 triệu đồng /huyện /năm (mức củ 600 triệu đồng/huyện/năm).

c) Phân bổ cho các địa phương còn lại (không kể huyện khó khăn) có số đơn vị hành chính cấp xã nhiều hoặc diện tích của địa phương rộng:

- Từ 10 đến dưới 15 ĐVHC cấp xã (hoặc diện tích từ 200 km^2 đến dưới 400 km^2): 500 triệu đồng (mức củ 300 triệu đồng).

- Từ 15 ĐVHC cấp xã trở lên (hoặc diện tích trên 400 km^2): 600 triệu đồng (mức củ 400 triệu đồng).

d) Hỗ trợ tăng cường cơ sở hạ tầng cho nhân dân ở vùng bị thiệt hại do các nhà máy thủy điện gây ra (Gồm: huyện Kbang, Ia Grai, Chư Păh, Krông Pa): 2.500 triệu đồng/ huyện/ năm (mức củ 2.000 triệu đồng/huyện/năm).

13. Định mức phân bổ chi dự phòng ngân sách:

Tính bằng 2% tổng chi cân đối ngân sách địa phương.

III. Kết quả phân bổ dự toán chi ngân sách theo định mức mới:

Nội dung của dự thảo về nguyên tắc kế thừa những kết quả đã đạt được của việc phân cấp ổn định nguồn thu, nhiệm vụ chi và định mức phân bổ dự toán chi ngân sách theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh và bổ sung, điều chỉnh những vấn đề còn tồn tại, có tính thêm các yếu tố tăng chi do nhà nước bổ sung chính sách, chế độ từ năm 2017-2021 và bổ sung thêm tỷ lệ nhất định do yếu tố trượt giá. Đảm bảo tỷ lệ cơ cấu hợp lý giữa

nội dung chi cho tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp và chi khác. Đảm bảo mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và phù hợp với khả năng ngân sách năm 2022 cũng như các năm tiếp theo của thời kỳ ổn định ngân sách 2022-2025.

UBND tỉnh trân trọng đề nghị và mong nhận được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự ủng hộ, giám sát, đồng hành của HĐND tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể, của cộng đồng doanh nghiệp và của đồng bào, cử tri toàn tỉnh.

Xin trân trọng cám ơn!

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT
Tờ trình về Kế hoạch Tài chính 05 năm tỉnh Gia Lai

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Thực hiện Chương trình kỳ họp, UBND tỉnh đã gửi đến các vị đại biểu HĐND tỉnh và quý đại biểu dự kỳ họp Tờ trình số 1861/TTr-UBND ngày 18/11/2021 về Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025. Thay mặt UBND tỉnh, tôi xin báo cáo HĐND tỉnh, quý vị đại biểu và cử tri những nội dung chủ yếu Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 như sau:

Căn cứ Thông báo số 22/TB-HĐND ngày 19/10/2021 của Hội đồng nhân dân về Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh Cho ý kiến về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh;

Công văn số 12679/BTC-NSNN ngày 05/11/2021 của Bộ Tài chính v/v tham gia ý kiến đối với Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;

1. Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025.

Giai đoạn 2021-2025, kinh tế nước ta được dự báo vẫn đan xen những thuận lợi và khó khăn. Gia Lai là một tỉnh miền núi với nguồn thu ngân sách địa phương chủ yếu từ nông nghiệp thủy điện và khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh,... Hiện nay các mặt hằng giá cả nông sản biến động thất thường; diện tích cao su, cà phê già cỗi, đang thực hiện tái canh; tình hình thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp khó lường tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp, chế biến,... ảnh hưởng đến sản xuất và sức tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn; tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp vừa, nhỏ và hiệu quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp thấp. Một số dự án lớn mới đi vào hoạt động nguồn thu chưa ổn định và đang hưởng các chính sách ưu đãi.

Mục tiêu tổng quát:

Huy động, phân bổ, quản lý, sử dụng có hiệu quả tổng thể các nguồn lực phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng dần tỷ lệ tự cân đối giảm phần bổ sung từ ngân sách cấp trên, đảm bảo cân đối ngân sách, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, chủ động hội nhập quốc tế; tiếp tục cơ cấu lại NSNN, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển, tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự

chủ động của ngân sách địa phương gắn với nâng cao và cá thể hóa trách nhiệm; quản lý chặt chẽ nợ công; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch; tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính địa phương.

1.1. Về thu NSNN trên địa bàn:

Dự kiến tổng thu NSNN trên địa bàn là 32.309,2 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm trên 11,1%/năm (chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh đảng bộ đề ra là trên 10%) trong đó:

Tổng thu nội địa là 31.500 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm 10,8%/năm. Trong đó: Tiền sử dụng đất là 9.088 tỷ đồng; thu từ xổ số kiến thiết là 794 tỷ đồng (bằng số Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025)

Loại trừ tiền đất, xổ số kiến thiết là 21.618 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm đạt 7,8%/năm (theo hướng dẫn của trung ương từ 6%-8%) *(giai đoạn 2016-2020 là 5,32%).*

Dự kiến tổng thu NSĐP giai đoạn 2021-2025 là 71.271,2 tỷ đồng, gồm:

- Tổng thu NSĐP được hưởng theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 là 28.439,68 tỷ đồng.

- Tổng thu bổ sung từ NSTW giai đoạn 2021-2025 là 42.800,5 tỷ đồng, gồm: Tổng thu bổ sung cân đối ngân sách là 36.022,4 tỷ đồng; thu bổ sung có mục tiêu NSTW là 6.778,2 tỷ đồng (Chính phủ chưa giao kinh phí chương trình MTQG).

Tổng thu cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025 là 64.493,03 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 90,5% tổng thu NSĐP.

1.2. Về chi NSĐP:

Dự kiến tổng chi NSĐP giai đoạn 2021-2025 là 72.339,38 tỷ đồng, gồm:

- Chi ĐTPT giai đoạn 2021-2025 là 21.832,1 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm là 6,8% và chiếm 30,2% so tổng chi NSĐP *(giai đoạn 2016-2020 là 26,2%)*, gồm: Chi từ nguồn cân đối NSĐP 15.613,8 tỷ đồng, gồm: (1) Vốn cân đối theo tiêu chí 4.663,6 tỷ đồng, (2) Tiền sử dụng đất 9.088 tỷ đồng, (3) Thu từ xổ số kiến thiết 794 tỷ đồng, (4) Dự kiến từ nguồn bội chi 1.068,18 tỷ đồng; TW bổ sung có mục tiêu 6.218,3 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên giai đoạn 2021-2025 là 48.921,8 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm là 2,6% và chiếm 67,6% so tổng chi NSĐP *(giai đoạn 2016-2020 là 73,7%)*, gồm: Chi thường xuyên cân đối NSĐP 48.362,4 tỷ đồng, tăng bình quân hằng năm là 5,5%; TW bổ sung có mục tiêu, chương trình MTQG 559,84 tỷ đồng.

- Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính ĐP 7 tỷ đồng; chi dự phòng (2%) là 1.289,861 tỷ đồng; chi trả nợ gốc từ nguồn kết dư là 31,0 tỷ đồng; chi trả lãi các khoản do chính quyền vay 51,209 tỷ đồng; chi tạo nguồn cải cách tiền lương là 206,384 tỷ đồng.

Tổng chi cân đối NSĐP giai đoạn 2021-2025 là 65.561,215 tỷ đồng.

Về cân đối NSNN: Đến năm 2025 mức đảm bảo cân đối là 47,9% (6.968,963/14.558,56 tỷ đồng) *(năm 2020 dự toán Trung ương giao là 38,2%).*

2. Dự báo những tác động đến thu, chi NSĐP.

2.1. Về thu NSNN trên địa bàn:

Theo dự báo, tình hình tỉnh Gia Lai trong những năm đến sẽ có những thời cơ, thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội như: Có vị trí quan trọng trên tuyến hành lang Đông - Tây; có sân bay, cửa khẩu quốc tế và là địa phương có diện tích lớn thứ 2 cả nước, đất đai, khí hậu thuận lợi, dân số khá đông,....Tuy nhiên, địa phương vẫn

đang đối mặt với những khó khăn, thách thức không nhỏ, như: Quy mô kinh tế còn nhỏ, sức cạnh tranh và hội nhập kinh tế còn thấp, đại dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp, dự báo sẽ tiếp tục ảnh hưởng sâu rộng trong những năm đến, đòi hỏi phải thực hiện mục tiêu kép vừa đẩy lùi dịch bệnh vừa phát triển kinh tế; chênh lệch về phát triển kinh tế - xã hội giữa các vùng còn khá lớn, an ninh chính trị, an ninh biên giới, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp.

Theo dự báo tốc độ tăng trưởng GRDP của địa phương giai đoạn 2021-2025 cao hơn giai đoạn 2016-2020. Tuy nhiên, quy mô nền kinh tế còn nhỏ, nguồn thu NSNN trên địa bàn còn hạn chế, thiếu ổn định, chưa tự cân đối thu, chi ngân sách, còn phải nhận trợ cấp từ ngân sách trung ương.

Trên cơ sở thành công của việc xúc tiến kêu gọi đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp trong ngành công nghiệp chế biến, đẩy mạnh liên kết để phát huy tối đa công suất các nhà máy chế biến, hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và dự kiến trường hợp các dự án điện gió đang trình được Chính phủ, Bộ Công Thương phê duyệt sớm và các nhà đầu tư triển khai thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch thì dự kiến phát sinh thêm nhiều nguồn thu NSĐP mới.

Việc đẩy nhanh tiến trình đầu tư tuyến cao tốc Quy Nhơn - Pleiku - Kon Tum là nhân tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như góp phần tạo nguồn thu ngân sách trên địa bàn.

Việc thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm tạo ra quỹ đất sạch phục vụ công tác kêu gọi đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư thực sự có năng lực để xây dựng dự án nhằm mở rộng sản xuất kinh doanh, tạo lập nguồn thu từ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là chủ yếu, là bước đi cần thiết để điều chỉnh cơ cấu nguồn thu theo hướng tích cực, bền vững.

2.2. Về chi NSĐP:

Gia Lai là tỉnh có diện tích tự nhiên lớn thứ 2 cả nước; dân số lớn, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,2%, chủ yếu là dân tộc Jrai và Bahnar. Dân cư phân bố rộng, đối tượng chính sách nhiều, do đó, nhu cầu chi cho con người chiếm tỷ trọng lớn để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chi cho giáo dục và đào tạo, y tế, đảm bảo an sinh xã hội,...Vì vậy, sẽ khó khăn trong việc nâng dần tỷ trọng chi đầu tư phát triển và giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên.

Thời tiết thường xuyên diễn ra khô hạn kéo dài, dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp, địa phương phải bố trí nguồn lực để khắc phục để đảm bảo cuộc sống cho người dân. Bên cạnh đó, việc thực hiện các chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn. Thu NSNN trên địa bàn hụt thu so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2019 và năm 2020, do đó gặp khó khăn trong cân đối thu, chi NSNN.

Chi đầu tư phát triển từ nguồn thu tiền sử dụng đất có vai trò rất quan trọng trong tăng chi đầu tư phát triển. Tuy nhiên, nguồn thu tiền sử dụng đất không bền vững vì quỹ đất giảm hằng năm sẽ ảnh hưởng đến việc tăng chi đầu tư phát triển của địa phương.

II. Một số giải pháp cơ bản thực hiện Kế hoạch Tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025.

2.1. Về thu NSNN:

Mục tiêu là đảm bảo khai thác các nguồn thu trên địa bàn một cách hợp lý, tích cực, bền vững, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của từng địa phương; nâng dần tỷ lệ tự cân đối, giảm phần bổ sung từ ngân sách cấp trên *(trừ Chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn trung ương bổ sung theo mục tiêu do trung ương quy định)* thông qua việc phân cấp quản lý nguồn thu, tỷ lệ điều tiết giữa các cấp ngân sách.

(1) Tăng cường công tác phân tích, dự báo, rà soát, xác định kịp thời và đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến nguồn thu NSNN trên địa bàn; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Chính phủ về những giải pháp ổn định kinh tế vĩ mô; có giải pháp về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tạo chuyển biến thực hiện đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, đẩy mạnh cải cách hành chính; tập trung nghiên cứu và thực hiện các giải pháp đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, góp phần tăng thu NSNN trên địa bàn. Phấn đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu NSNN giai đoạn 2021-2025.

(2) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tập trung mời gọi các nhà đầu tư lớn có khả năng lôi kéo, thúc đẩy các dự án phụ trợ; chú trọng nhóm các nhà đầu tư vừa và nhỏ, đảm bảo môi trường bền vững, vừa đẩy nhanh tiến độ lấp đầy các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Nhằm đẩy mạnh thu hút đầu tư, tìm kiếm đối tác và mở rộng thị trường tổ chức các đợt xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước ... Bên cạnh đó, công tác cải cách hành chính sẽ tiếp tục được cải thiện, ưu tiên tập trung ở các khâu như đăng ký kinh doanh, cấp phép xây dựng, cấp phép đầu tư, giải quyết thủ tục giao đất.

(3) Thực hiện nuôi dưỡng nguồn thu NSNN, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tập trung chống thất thu, nợ đọng thuế:

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế tài chính về đất đai phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để thu hút đầu tư vào tất cả các lĩnh vực, kể cả đầu tư cơ sở hạ tầng, các ngành dịch vụ, y tế, giáo dục, dịch vụ công ích, môi trường, văn hóa - thể thao - du lịch. Tạo mọi điều kiện để các doanh nghiệp, chủ đầu tư triển khai các dự án để góp phần phát triển sản xuất kinh doanh tạo nguồn thu ngân sách.

- Ngành thuế tiến hành kiểm tra phát hiện kịp thời các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trốn thuế để xử lý nhằm tạo môi trường bình đẳng trong sản xuất kinh doanh; tránh tình trạng doanh nghiệp khai không đúng doanh thu, khai lỗ để trốn thuế, nợ đọng thuế; minh bạch trong chính sách thuế, không để câu kết với cán bộ thuế để trốn thuế, vụ lợi cá nhân. Phấn đấu số nợ thuế khó thu không quá 5% so với số thực thu NSNN.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các đề án, các giải pháp thu NSNN do Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan ban hành.

- Ngành tài chính chủ động phối hợp các cơ quan chức năng địa phương tham mưu cho HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành quyết định các mức thu phí, lệ phí, bảng giá tính thuế xây dựng,...thuộc thẩm quyền của địa phương khi có sự thay đổi về cơ chế, chính sách, mức thu; đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, chính xác, tạo được sự đồng thuận của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp và đúng pháp luật.

- Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan Gia Lai - Kon Tum phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công Thương, các chủ đầu tư, nắm bắt kịp thời các dự án triển khai ở tỉnh để phối hợp, hướng dẫn các đơn vị thi công thực hiện kê khai, nộp thuế theo đúng quy định hiện hành.

(4) Đẩy mạnh phân cấp nguồn thu nhằm khuyến khích các địa phương tích cực hơn nữa trong công tác quản lý, khai thác thu NSNN.

(5) Cải thiện Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng; rà soát các thủ tục không còn phù hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cắt giảm hoặc sửa đổi. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng ngành, lĩnh vực, tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững.

2.2. Về chi NSNN:

- Cơ cấu lại chi ngân sách theo hướng bền vững, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển; bảo đảm nguồn lực cho quốc phòng, an ninh, đảm bảo an sinh xã hội; ưu tiên cho giáo dục - đào tạo; tập trung cao hơn các nguồn lực cho bảo vệ môi trương, thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc thực hiện xã hội hóa ở một số lĩnh vực như: giáo dục và đào tạo, y tế, dịch vụ công ích, môi trường, văn hóa - thể thao - du lịch, dịch vụ nông nghiệp ứng dụng khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh thực hiện cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập công ích đủ điều kiện để giảm chi từ NSNN.

- Rà soát việc duy trì, quản lý và sử dụng các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức, hoạt động của các quỹ nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả hoạt động của các quỹ; tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với các quỹ, sắp xếp lại các quỹ có nguồn thu, nhiêm vụ chi trùng với NSNN hoặc không còn phù hợp.

- Bố trí thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn. Việc huy động và sử dụng vốn ODA và vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phải bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng trả nợ. Các khoản vay mới vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chỉ sử dụng cho chi đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên.

- Tăng cường tổ chức thực hiện Luật Đầu tư công, đẩy nhanh công tác chuẩn bị đầu tư, kiên quyết cắt giản những thủ tục không cần thiết, giao dự toán, giải ngân vốn đầu tư công gắn với trách nhiệm giải trình của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu. Kiên quyết cắt giản số lượng dự án đầu tư mới để tập trung đầu tư hoàn thành dứt điểm các dự án, công trình đã được phê duyệt, đanh triển khai dở dang; kiểm soát chặt chẽ số dự án và thời gian bố trí vốn hoàn thành dự án theo quy định của Luật Đầu tư công, bảo đảm mục tiêu, hiệu quả, tính liên tục trong đầu tư công.

- Tập trung rà soát, kiên quyết loại bỏ những dự án kém hiệu quả, dự án chưa thật sự cần thiết, cấp bách, ưu tiên vốn cho các dự án trọng điểm, cấp bách, tạo động lực cho phát triển nhanh, bền vững. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị và tổ chức thực hiện dự án, hạn chế phải điều chỉnh trong quá trình triển khai, bảo đảm hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô, tổng mức đầu tư của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực và quy định của pháp luật.

(4) Nâng cao hiệu quả đầu tư nguồn vốn nhà nước theo các quy định của Luật Đầu tư công. Quản lý chặt chẽ từ bước lập, thẩm định chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi đảm bảo tính kinh tế - kỹ thuật để việc đầu tư thực sự hiệu quả. Bảo đảm các dự án đầu tư phải theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt gắn với trách nhiệm của người ra quyết định đầu tư và chủ đầu tư. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm quản lý thống nhất; đề cao trách nhiệm của các sở, ngành, huyện, thành phố và chủ đầu tư trong phân bổ và sử dụng các

nguồn vốn đầu tư từ NSNN, trái phiếu Chính phủ, doanh nghiệp nhà nước, vốn ODA, vốn tín dụng đầu tư.

(6) Đẩy mạnh việc sắp xếp tinh giản bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương; triển khai thực hiện Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố,...; Nghị quyết số 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai về Quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động số 64-CTr/TU ngày 05/6/2018 của Tỉnh ủy Gia Lai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về "tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập" trên địa bàn tỉnh Gia Lai gắn với kết quả triển khai thực hiện Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

(7) Công tác lập và giao dự toán chi thường xuyên gắn với lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị.

Thực hiện nghiêm lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực. Căn cứ vào dự kiến số tăng thu sự nghiệp theo lộ trình để thực hiện tính đúng, tính đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công theo quy định. Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm mức hỗ trợ từ NSNN cho các đơn vị sự nghiệp công lập.

(8) Triệt để tiết kiệm NSNN nhất là kinh phí hội nghị, tiếp khách, công tác trong và ngoài nước, kiểm soát chặt chẽ dự toán chi thường xuyên.

(9) Kiểm soát chặt chẽ việc ứng trước dự toán, chi chuyển nguồn, chi từ nguồn dự phòng NSNN. Đẩy mạnh công tác giải ngân vốn xây dựng cơ bản tránh kéo dài, chuyển nguồn lớn làm giảm hiệu quả sử dụng NSNN. Không ban hành các chính sách, chế độ, chương trình, đề án khi không cân đối được nguồn.

(10) Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện rà soát sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và Nghị định 67/2021/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở đó tham mưu điều chuyển, thanh lý tài sản công nhằm sử dụng tài sản công có hiệu quả, tiết kiệm chi và tăng thu cho ngân sách; đề xuất các biện pháp về tài chính để đảm bảo quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản công. Tiếp tục thực hiện nghiêm công tác mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Triển khai bán đấu giá tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền dự kiến trên 1.400 triệu đồng; tăng cường công tác thẩm định giá đất, bảng giá đất, gía đất cụ thể, hệ số điều chỉnh giá đất để tính tiền bồi thường giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất; thẩm định giá đất cụ thể làm cơ sở xác định giá khởi điểm để đấu giá trình UBND tỉnh phê duyệt.

(11) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chặt chẽ các khoản chi từ NSNN, đảm bảo triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách, từng bước triển khai quản lý chi ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ gắn với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND tỉnh trân trọng đề nghị và mong nhận được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sự ủng hộ, giám sát, đồng hành của HĐND tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, đoàn thể, của cộng đồng doanh nghiệp và của đồng bào, cử tri toàn tỉnh.

Xin trân trọng cám ơn!

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Tờ trình về đề nghị phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022.

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Thực hiện Chương trình kỳ họp, UBND tỉnh đã gửi đến các vị đại biểu HĐND tỉnh và quý đại biểu dự kỳ họp Tờ trình số 1862/TTr-UBND ngày 18/11/2021 về đề nghị phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2022 như sau:

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn Trung ương dự kiến giao: 5.415.000 triệu đồng.

Địa phương xây dựng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 5.827.000 triệu đồng, tăng 412.000 triệu đồng *(trong đó, tiền sử dụng đất tăng 400.000 triệu đồng; thu từ xổ số kiến thiết tăng 7.000 triệu đồng; các loại thuế, phí, thu khác ngân sách tăng 5.000 triệu đồng)* và bằng 81,3% so với ước thực hiện năm 2021.

2. Tổng thu NSĐP: 13.398.091 triệu đồng

- Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp: 4.901.400 -
- Thu NSTW bổ sung (số liệu của Bộ Tài chính): 8.496.691 -
  + Bổ sung cân đối ngân sách: 7.151.846 -
  + Bổ sung có mục tiêu: 1.344.845 -

Hiện nay, trung ương chưa giao vốn cho các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022.

3. Dự toán chi NSĐP năm 2022

3.1 Nguyên tắc phân bổ:

a) Việc bố trí vốn NSNN năm 2022 phải đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2022.

Phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2022 theo tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSĐP cho thời kỳ 2022-2025.

b) Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024, Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021 - 2025.

Ưu tiên bố trí chi đầu tư phát triển trên cơ sở tăng tỷ trọng đầu tư phát triển của NSNN và khả năng giải ngân từng nguồn vốn.

Ưu tiên nguồn lực để thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Ban chấp hành trung ương và Nghị quyết của Quốc hội. Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, tinh giản biên chế, thực hiện cải cách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan và địa phương.

c. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Bố trí chi trả lãi vay đầy đủ, đúng hạn; quản lý chặt chẽ, hiệu quả các khoản vay.

e) Bố trí vốn để thu hồi tạm ứng năm trước.

f) Chỉ tổng hợp đưa vào dự toán đối với các nhiệm vụ chi không thường xuyên khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với những nhiệm vụ chi đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền, nhưng chưa được phê duyệt kế hoạch, chương trình, đề án, dự toán, quy hoạch, thì bố trí kinh phí dự kiến theo từng lĩnh vực đến từng đơn vị dự toán cấp 1. Đơn vị chỉ được sử dụng sau khi kế hoạch, chương trình, đề án,...được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

g) Đảm bảo cân đối nguồn thu và nhiệm vụ chi của NSĐP để thực hiện các chế độ, chính sách của trung ương và địa phương ban hành theo đúng quy định:

- Đảm bảo nguồn thực hiện các chương trình, nhiệm vụ trọng tâm về phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; các chính sách an sinh xã hội, các chính sách về dân tộc thiểu số đã ban hành.

- Đảm bảo mức chi cho sự nghiệp giáo dục và sự nghiệp khoa học công nghệ do trung ương giao.

- Những nhiệm vụ của các bộ, ngành, đoàn thể trung ương giao sẽ đảm bảo theo khả năng của ngân sách.

- Bố trí vốn đối ứng có tính đến yếu tố lồng ghép để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (vốn sự nghiệp) theo đúng quy định.

- Bố trí kinh phí cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch, thu hút đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất và hoàn trả số kinh phí đã tạm ứng từ Quỹ Phát triển đất của tỉnh để phục vụ cho công tác bồi thường giải phóng mặt bằng.

h) Để thực hiện mục tiêu kép vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế, năm 2022, không trích 30% từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thu từ đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, nhằm để tăng thêm nguồn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

3.2 Tổng chi NSĐP: **13.433.891 triệu đồng**

Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 3.757.315 -

Hiện nay, Trung ương chưa giao dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, dự kiến chi đầu tư phát triển bằng 113,38% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2021, tăng 443.378 triệu đồng *(vốn cân đối NSĐP tăng 280.700 triệu đồng; chương trình mục tiêu nhiệm vụ tăng 162.678 triệu đồng; các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 Trung ương chưa phân bổ)*, chiếm tỷ trọng 27,97% so với tổng chi NSĐP năm 2022 *(năm 2021 chiếm 26,4%)*.

- Chi thường xuyên: 9.428.457 -

Hiện nay, Trung ương chưa giao dự toán chi Chương trình mục tiêu quốc gia, dự kiến chi thường xuyên bằng 106,9% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2021, tăng 607.698 triệu đồng *(vốn cân đối NSĐP tăng 972.263 triệu đồng; các chương trình mục tiêu nhiệm vụ giảm 364.565 triệu đồng; các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 Trung ương chưa phân bổ)*, chiếm tỷ trọng 69,86% so với tổng chi NSĐP năm 2022 *(năm 2021 chiếm 70%)*.

Gồm:

a) Tổng chi cân đối NSĐP: 12.089.046 triệu đồng.

So với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2021 tăng 9,4%, số tiền 1.042.264 triệu đồng. Trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 2.510.110 -

Tăng 12,6% so với dự toán của HĐND tỉnh giao năm 2021, số tuyệt đối tăng 280.700 triệu đồng *(gồm: Tăng chi đầu tư từ nguồn sử dụng đất 300.000 triệu đồng; chi từ nguồn thu xổ số kiến thiết giảm 5.000 triệu đồng; chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách giảm 14.300 triệu đồng)*, chiếm tỷ trọng 20,76% so với tổng chi cân đối năm 2022 *(năm 2021 chiếm tỷ trọng 20,2%)*.

Gồm:

+ Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 807.310 -
+ Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất: 1.500.000 -
+ Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 147.000 -
+ Chi ủy thác qua NHCSXH cho vay các đối tượng: 20.000 -
+ Chi từ nguồn bội chi ngân sách: 35.800 -
- Chi thường xuyên: 9.330.817 -

Chiếm tỷ trọng 77,1% so với tổng chi cân đối năm 2022 *(năm 2021 chiếm tỷ trọng 75,7%)*. Tăng 11,6% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2021, tăng 972.263 triệu đồng, chủ yếu, do phần chênh lệch tăng thêm của các chế độ, chính sách an sinh xã hội năm 2022 so với năm 2017 (phần NSĐP đảm bảo, trung ương không bổ sung đưa vào cân đối chi NSĐP) và một số chế độ chính sách giai đoạn 2017-2021 NSTW bổ sung có mục tiêu, giai đoạn 2022-2025 NSĐP phải đảm bảo với số tiền là: **535.691 triệu đồng**. Nếu loại trừ yếu tố chế độ chính sách nêu trên, thì chi thường xuyên năm 2022 tăng 5,2% so với năm 2021. Gồm:

+ Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: 3.950.544 -
(Bằng dự toán trung ương giao năm 2022)
+ Sự nghiệp khoa học và công nghệ: 38.880 -

Tăng 51,7% so số trung ương giao năm 2022, giảm 3.956 triệu đồng so dự toán HĐND tỉnh giao năm 2021.

+ Các khoản chi thường xuyên còn lại: 5.341.393 -

Tăng 12,2% so với dự toán HĐND tỉnh giao năm 2021, tăng 582.556 triệu đồng *(lý do, đã thuyết minh ở phần chi thường xuyên nêu trên)*.

- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.400 -
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.000 -

- Dự phòng ngân sách: 241.065 -
- Chi trả nợ lãi vay: 3.654 -

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu: 1.344.845 -

Cụ thể:

Bằng số Trung ương giao năm 2022, giảm 201.887 triệu đồng so dự toán năm 2021. Cụ thể:

(1) Vốn Trung ương bổ sung thực hiện mục tiêu nhiệm vụ 1.344.845 triệu đồng, giảm 201.887 triệu đồng so Trung ương giao năm 2021, gồm:

- Vốn đầu tư 1.247.205 triệu đồng, tăng 162.678 triệu đồng so với dự toán năm 2021.
- Vốn sự nghiệp 97.640 triệu đồng, giảm 364.565 triệu đồng so dự toán năm 2021.

(2) Vốn thực hiện các CTMTQG: Hiện nay Trung ương chưa giao.

4. Bội chi NSĐP: 35.800 -

II. Phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh:

1. Dự toán thu:

Tổng thu ngân sách cấp tỉnh: 11.755.628 triệu đồng

Gồm:

- Thu ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp: 3.258.937 -
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 8.496.691 -
+ Bổ sung cân đối ngân sách: 7.151.846 -
+ Bổ sung có mục tiêu: 1.344.845 -

2. Dự toán chi:

Tổng chi ngân sách cấp tỉnh: 11.791.428 triệu đồng

a) Nhiệm vụ chi của NS cấp tỉnh theo phân cấp: 5.772.028 -

Gồm:

- Chi đầu tư phát triển: 1.408.910 -
- Chi thường xuyên: 2.926.802 -
- Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay: 3.654 -
- Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính: 1.400 -
- Dự phòng ngân sách: 88.395 -
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 2.000 -
- Chi thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ TW bổ sung: 1.340.867 -

b) Bổ sung cho ngân sách huyện, thành phố: 6.019.400 -

Trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 5.991.078 -
- Bổ sung có mục tiêu nhiệm vụ: 28.322 -

3. Bội chi ngân sách tỉnh: 35.800 -

Xin trân trọng cám ơn!

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Về dự án Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

I. SỰ CẦN THIẾT

Thành phố Pleiku là trung tâm kinh tế, văn hoá - xã hội của tỉnh được phát triển từ thị xã Pleiku trước đây. Những năm qua cùng với sự phát triển chung của Tỉnh, cơ sở hạ tầng của thành phố không ngừng đầu tư xây dựng và phát triển, tốc độ đô thị hóa nhanh, không gian đô thị ngày càng được mở rộng, trên địa bàn có nhiều khu trung tâm thương mại, khu đô thị mới được đầu tư xây dựng, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện.

Triển khai Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh Gia Lai Về việc Phê duyệt Đồ án điều chỉnh chung thành phố Pleiku giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trên địa bàn Thành phố đã triển khai, phê duyệt một số Quy hoạch để thuận lợi cho công tác quản lý đô thị theo đúng định hướng phát triển. Trong đó có Khu dân cư đường Nguyễn Văn Linh với quy mô khoảng 39,7 ha được phê duyệt theo Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND thành phố Pleiku Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết đường nguyễn Văn Linh, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Quy mô 94,9ha, gồm: Khu vực đầu tư thực hiện Dự án 39,74ha; khu vực chỉnh trang đô thị: 55,16ha)

Nội dung đã được Ban Kinh tế - Ngân sách, HĐND tỉnh thẩm tra, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với UBND thành phố Pleiku hoàn chỉnh nội dung, cụ thể:

II. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Mục tiêu đầu tư: Cụ thể hóa các quy hoạch đã phê duyệt, hình thành khu dân cư mới, hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế, xã hội, giao thông của khu vực; Tạo hành lang giao thông an toàn, đồng bộ, đáp ứng được mỹ quan đô thị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống của nhân dân khu vực.

2. Quy mô đầu tư (ở bước lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi quy mô là dự kiến; quy mô dự án được xác định cụ thể ở bước lập, phê duyệt dự án):

Thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, xây dựng hạ tầng khu dân cư Nguyễn Văn Linh với diện tích 39,74 ha (trong đó khu vực đường Nguyễn Văn Linh khoảng: 10,35ha, khu vực đầu tư hạ tầng khoảng: 29,35 ha) như: xây dựng các tuyến đường theo quy hoạch, hoàn thiện hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống cấp điện và các hạng mục hoàn chỉnh.

3. Nhóm dự án: Nhóm A.

4. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 1.900 tỷ đồng.

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách thành phố Pleiku.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Các phường Trà Bá, Hội Phú, IaKring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

7. Thời gian, tiến độ thực hiện dự án (dự kiến): Năm 2021 - 2026.

8. Tiến độ thực hiện dự án (dự kiến):

- Năm 2021: Phê duyệt chủ trương đầu tư.
- Năm 2022-2026: Phê duyệt dự án; Khởi công và hoàn thành công trình.

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Gia Lai, ngày tháng 12 năm 2021

TÓM TẮT

Quy định về việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực

Kính thưa đồng chí Hồ Văn Niên - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, nhiệm kỳ 2021 – 2026!

Kính thưa Chủ tọa kỳ họp!

Kính thưa các vị đại biểu HĐND tỉnh, thưa quý vị đại biểu, đồng bào, cử tri tỉnh Gia Lai!

Tính đến tháng 9 năm 2021, trên địa bàn tỉnh có 1.616 khu dân cư và 10.614 cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy và chữa cháy, trong đó có khoảng 1.224 cơ sở nguy hiểm về cháy, nổ theo quy định tại Nghị định số 136, ngày 24/11/2020 của Chính phủ và 18 cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy đã đưa vào sử dụng trước khi Luật phòng cháy và chữa cháy năm 2001 có hiệu lực. Các cơ sở nói trên, chủ yếu không đảm bảo yêu cầu về khoảng cách an toàn, hệ thống kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy, giải pháp ngăn cháy, lối thoát nạn, giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy theo tiêu chuẩn, quy chuẩn phòng cháy, chữa cháy hiện hành.

Bên cạnh đó, hệ thống kỹ thuật, kết cấu công trình xây dựng của các cơ sở trên hầu như đã xuống cấp trầm trọng, công nghệ sản xuất xuất cũ, lạc hậu nên tiềm ẩn nhiều nguy cơ cháy, nổ cao và khi đã xảy ra cháy, nổ sẽ gây thiệt hại rất lớn về người và tài sản. *(Theo số liệu thống kê, từ năm 2001 đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 626 vụ cháy tại các cơ sở, làm chết 27 người, bị thương 46 người, gây thiệt hại về tài sản hơn 233 tỷ đồng,* ***trong đó, đáng chú ý đã xảy ra cháy tại một số cơ sở đưa vào hoạt động trước năm 2001 (như Chợ Trà Bá - thiệt hại 2,3 tỷ đồng, Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Văn Tạo – làm 01 người chết)****.*

Về căn cứ pháp lý để đề xuất ban hành Nghị quyết

- Tại khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013 quy định: *"Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định việc xử lý các cơ sở trên địa bàn không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực"*.

- Ngày 08 tháng 4 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 493/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, trong đó có nội dung: *"Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu các giải pháp, phương án di chuyển hoặc cải tạo, nâng cấp các cơ sở không đảm bảo yêu cầu an toàn PCCC và điều kiện thoát nạn được đưa vào sử dụng trước khi Luật Phòng cháy và chữa cháy có hiệu lực (đặc biệt là chợ, nhà cao tầng, công trình công cộng tập trung đông người, cơ sở sản xuất, chế biến hóa chất, hàng hóa dễ cháy, nổ) để tăng cường điều kiện thoát nạn và bảo đảm an toàn PCCC, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định"*.

- Ngày 11 tháng 5 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 630/QĐ-TTg về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về phòng cháy và chữa cháy. Trong đó, có nội dung phân công Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tham mưu Hội đồng nhân nhân cùng cấp ban hành Nghị quyết quy định việc xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy được đưa vào sử dụng trước khi Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành.

Từ cơ sở thực tiễn và cơ sở pháp lý nêu trên và công tác phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh, việc ban hành Nghị quyết quy định xử lý các cơ sở không đảm bảo yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh Gia Lai được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy năm 2001 có hiệu lực là cần thiết và đúng quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 1359/KH-UBND ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về triển khai thực hiện Quyết định số 630/QĐ-TTg ngày 11/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 3146/VP-KTTH ngày 22/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch Hội

đồng nhân dân tỉnh, Công an tỉnh đã chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan xây dựng hoàn chỉnh dự thảo hồ sơ Nghị quyết đảm bảo đúng quy trình 05 bước theo quy định của tại Luật Ban hành quy phạm pháp luật năm 2015, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn số 147/STP-XD-KTVB ngày 05/02/2020 của Sở Tư pháp.

Công an tỉnh đã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ dự thảo Nghị quyết để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.